

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUÊ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^o VÀ 15

Báo quan ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaüd, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-dinh-Bính

Chánh chủ-bút : Phan-chung-Thủ
Sư cụ chùa Bàng-Số
Phó chủ-bút : Dương-văn-Hiến
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

CHƯƠNG TRÌNH

lễ khánh hạ Đức Thích-Cà

THÀNH PHẬT NGÀY MÔNG 8 THÁNG CHẬP
(27-1-1939) VÀ LỄ TẮT NIÊN

BUỔI SÁNG :

- 6 giờ chú tụng làm lễ chúc mừng.
- 8 giờ học sinh ban Tiểu-học làm lễ.
- 10 giờ lên tuần đại cúng.
- 12 giờ thụ trai.

BUỔI CHIỀU :

- 2 giờ học-sinh trường Đại-học và tiểu-học lễ đại xăm.
- 4 giờ rước ban đồng-nữ dâng hương hát mừng.
- 5 giờ rước tụng đại-hội Kinh từ thập nhị trường.
- 6 giờ rước khóa niệm.
- 7 giờ chú tụng và thiên-tín làm đại lễ nhiều Phật tán hoa.
- 8 giờ rước diễn giảng về nghĩa : Tam chuyển pháp luân.

Xin mời các giáo-hữu đến lễ cho đông, cho được thêm long trọng.

Chư-tri chùa Quán-Sứ
kính mời

*Lễ khánh thành thư-viện và xưởng
Thủ-công của hội Phật-giáo
Mẽ-sở (Hưng-yên)*

Hồi 8 giờ sáng ngày 29 Décembre 1938, Ban Trung-ương hội Phật-giáo Hanoi về chứng kiến lễ khánh thành thư viện và xưởng thủ-công của chi hội Phật-giáo Mẽ-sở Phủ Khoái-châu Hưng-yên. Chi hội này do Cụ Cử Dương-bá-Trạc làm Chánh đại-lý, Cụ thân đi thỉnh ban Trung-ương về có ba Hòa thượng : Trung-hậu, Tể-cát, Bồng-sở ; Cụ lớn Hội-trưởng Hiệp-tá Nguyễn năng-Quốc ; cụ Tuần Trần-văn-Đại, Chánh đại-lý chi hội Phật-giáo Haidương ; Cụ Cử Dương-bá-Trạc, Cụ Tú Nguyễn-đỗ-Mục, Cụ Đỗ-nam Nguyễn-trọng-Thuật, ông Đốc trường Phồ-thông, Thịnh-hào ; ông Dương tự-Quán em giai thứ 7 của cụ Cử Dương chủ nhà in Bắc-bộ Hanoi. Hội-quán của chi hội này lập tại chùa Phúc-hưng làng Phú-thị tức là làng cụ Cử Dương. Thuộc về chi hội này còn có ba chi giảng nữa ở ba xã là Đa-hòa, Phú-trạch, Mẽ-sở đều theo đạo về đường dê tông Mẽ-sở nên gọi là chi hội Phật-giáo Mẽ-sở, Khoái-châu là nơi có một danh-tích lớn trên lịch-sử tức là trăm Gia-trạch. Về thượng-cổ, trăm Gia-trạch liền vào sông Cái gần cửa bể, nhà thần tiên Trử-dồng-tử và Tiên-dong gặp gỡ ở đây. Đến Trung-cổ, trăm Gia-trạch đã hồi thành bãi lầy, nhà Võ-nhân Triệu quang-Phục kháng-chiến với quân Tàu dùng thuyền độc-mộc, cũng ở đây. Hồi gần đây còn một khoảng bãi nhưng sây mọc tức là « Bãi sây ». Nay thì đều thành đồng cấy lúa, bãi giồng ngô, làng mạc san-sát khắp cả. Nghĩ câu « Bể biếc, nương dâu », khách du qua đó không khỏi ngậm ngùi cuộc thế. Nhất là trông thấy cuộc

nông chiến trên các bãi phù sa, người ta đứng từng hàng từng đội, kẻ cầm vò người cầm cuốc, đang mãi miết tranh đấu với hòn đất để giởng ngó, coi chẳng khác những đoàn binh-lính đứng mành đang huyết chiến trên xa tràng. Thấy cái tinh cách cần cù của nhà nông như thế, chúng tôi dám tin rằng sự bần khổ bần xứ này hiện giờ thực không phải tội tại người dân vậy.

Hai chiếc ô-tô vừa tới đầu tổng Mễ-sở, đã thấy các viên chức, phụ lão, giáo-hữu của chi hội ra đón rất đông vui. Sắc cờ, phướn, cây đèn, nghi trượng rờ ràng với tiếng nhã-nhạc rộn rã khiến cho một vùng thôn trang tịch mịch bỗng nổi ra cảnh tượng hoạt động vui vầy. [ở] hội-quán chùa Phúc hưng làng Phú-thị vừa gặp quan Tri-phủ và quan Tư-pháp Khoái-châu cũng về chứng lễ. Xem ra làng Phú-thị có vẻ xầm-uất hơn nhiều làng gần đó, và thấy những di tích đền chùa thì biết trước kia vùng này còn phong-túc nhiều. Nhân-dân vẫn còn giữ được thói trất-phất nhất là hai ban đồng sinh không thấy có phong y-phục tân thời như nhiều nơi nhà quê khác. Các dân ann của chi hội mời ban Trung-ương vào bái yết Phật-diện rồi xuống xem thư-viện. Thư-viện đặt ở nhà hành lang 3 gian ngói xạch sẽ. Trong tủ sách có nhiều kinh sách chữ Nho chữ quốc-ngữ, có nhiều quyển Âu-trang chữ vàng. Đáng chú ý nhất là trên vách treo tượng Phật mà không quên treo tượng Đức Khổng-tử, thực tỏ cái quan niệm « Phật-thánh nhất trí ». Ban Thư viện có 18 ông tỏ chức trông coi, trong có ông Dương-trọng-Khiết là em thứ hai cụ Cử Trạc, ông này cụ học đã đỗ Đầu xứ. Đoạn các ông ban Thư viện xin ban Trung-ương và quan Phủ ký vào quyển Kim thư đề kỷ niệm.

Lên nhà Tờ, Cụ Cử-Trạc đứng trình với ban Trung-ương về lễ khánh-thành của chi hội Mễ-sở hôm nay có

4 việc là: khánh-thành lễ thành lập chi hội, khánh-thành Thờ việu, khánh thành bốn nơi dạy trẻ làm nghề dăng-ten (dentenne) là Phú-thị, Phú trách Đa-hòa, Mễ-sở và lập đàn qui cho giáo hữu trong chi hội. Về việc dạy làm dăng-ten Cụ Cử có giới thiệu ra một thầy giáo dạy nghề và học trò Thầy là Nguyễn văn Tung ở Nam định, mới ngoài 20 tuổi, coi có vẻ nho nhã thành thực, học trò từ 7, 8 tuổi đến 15 tuổi, vừa giai vừa gái ước hơn 100 tên. Thầy giáo vừa dạy nghề vừa mỗi ngày giảng-giải cho học trò đọc ba bận mấy câu trong kinh « Phật-giáo nhật tụng » của hội. Như thế bọn trẻ em vừa biết nghề làm có lợi vừa được thấm nhuần đạo lý, và lại dạy cho chúng biết quốc ngữ nữa. Cụ Hội-trưởng rất vui mừng cảm ơn cụ Cử Dương và giáo hữu đã có công tổ chức được nhiều việc thực ích cho nghĩa đạo. Đoạn các Bô lão trong hội ra chào cụ Hội-trưởng, nhiều ông là Chánh-phó Tổng Lý dịch trước đã làm việc quan, khi Cụ Hội-trưởng làm Tổng-dốc tỉnh ấy. Nay quan dân đều tới cõi nhàn, gặp nhau trong một hội đồng-đạo, tỉnh càng vui-vẻ một cách giản-dị thân mật. Hội họp chỉ có giầu nước, tời ngo cụ Cử mời cụ Hội trưởng, cụ Đại-lý Hải-dương, Quan phủ khoái-châu và mấy vị cư-sĩ Trung-ương về nhà cụ dùng cơm và xem trường dạy dăng ten trong nhà cụ, còn ba vị Hòa-thượng nghỉ lại chùa để tời chúng lễ qui. Cụ Cử Dương tiếp khách ở cái phượng-đình trước nhà thờ. Khu nhà thờ này bằng ngói cả rất sáng khải mà giản phác trong một cái nhà chính, đến cái phượng đình, ngoài là tiền đường. Hai bên sân tiền đường có hai nhà phụ, trường làm dăng-ten ở hai nhà ấy. Trẻ con mới học vài tháng nay mà những tấm dăng-ten chúng làm ra đã bán được, hỏi ra cái vốn đón thầy và mua chỉ cho trẻ em trong tổng học làm nghề là do một món tiền công của hàng tổng tỉnh phí góp lại. Thực là một việc giúp cho trẻ em nhất là con nhà nghèo vừa được nghề vừa được giáo dục.

Ngồi trước nhà thờ họ Dương, trông thấy những tự-

khí điền-nhã, một vẻ uho gia phong vị, chúng tôi tin rằng cái tinh thần gia tộc cái cụu hóa vẫn là cái nền móng chắc chắn mà thú vị của xã-hội Việt-nam. Chắc Dương tiên-sinh, một nhà đàn anh thực học, thực hành, đã nghĩ sâu lo xa tới chỗ đó rồi, nên tuy các em, các con của Tiên-sinh đều phát đạt về tân học mà Tiên-sinh vẫn bồi đắp nền gia tộc cho nhà, vun giồng gốc cũ văn-hóa cho làng cho tổng cũng như Tiên-sinh đã cảm hóa cho trong hội Phật vậy. Hai giờ trưa, Cụ Cử Dương lại cho ban Trung-ương đi xem tượng Quan-âm thiên thủ thiên nhãn ở chùa tổng Mễ-sở. Pho tượng này khéo không kém gì pho ở chùa Bát-tháp Bắc-ninh mà nhà Bác-cổ Hanoi đã đập theo kiểu đề ở trong viện Bảo tàng. Lại đi thăm 3 chỗ học làm đặng ten nữa ở Phú-trạch, Mễ-sở, và Đa-hòa. Thấy trẻ em đều đã biết làm chữ, thầy dạy những nơi này thì do thầy giáo chính ở trường Phú-thị luyện cách tốc thành đến dạy nghề và dạy đạo. Ban Trung-ương đều tán thán một công đức thực hiện mà các nơi chỉ hội Phật-giáo trong xứ ta đều nên bắt chước. Nên theo cách dạy đạo ở trong các nghề, nghề thủ công gì tiện cho địa-phương mình cũng được, cho lũ trẻ em nhà nghèo khát học như khát sữa được có nghề sinh nhai mà được thấm nhuần nghĩa đạo từ thửa nhỏ. Hai giờ rưỡi, cụ Hội trưởng và Ban Trung-ương từ giã cụ Cử Dương, Quan Phủ và chỉ hội đề về Hanoi.

Ban Trung-ương hội Phật-giáo

Nhà Phật-học nước Mỹ nói về đạo Phật Trung-quốc (tiếp theo)

XXIV

Ngài Trí-khai lập nên pháp-môn như trên để chứng ngộ về pháp tính chân như Đi từ con đường quán-hành 觀行 mà đạt tới chốn diệu giác cứu cánh. Pháp-

môn ấy đã dẫn lối cho học thuyết của Hegel Tàu dịch là 黑格兒 Hắc cách nhi, là một nhà đại-triết-học của nước Đức về thế-kỷ XIX, học thuyết của ông chủ trương theo về lý tính của vạn hữu bản thể 萬有本體 mà phát triển ra. Sau mãi rồi thành cái công hiện biến hiện được chỗ tinh thần thuần túy về tuyệt đối. Thế mà Ngài Tri-khải thì Ngài lại còn nói có khi người ta, cũng như Phật, là đã giác ngộ được chân tính của loài người thì mới thấy rõ được pháp tính thường trụ ấy. Cõi đó thì Ngài Tri-khải tri luận còn hoàn toàn cứng cáp hơn như triết-học Hegel.

Như vậy thì chân-như pháp tính có đủ nhân cách không? Hỏi thế tất người trong phái Thiên-thai sẽ giả lời rằng: Chân-như chẳng qua cũng chỉ là đặt ra cái tên phương tiện đó thôi, chứ thực ra cái chỗ mà người ta đã kinh nghiệm tới tức là chỗ bản thể của chân như, vẫn không có thể lấy lời nói gì mà kể rõ ra được. Vậy thì có thể theo chỗ chân-như ấy mà an-lập là pháp thân để cho kẻ tu hành coi pháp thân ấy là một nhân cách. Nghĩa này thì cũng không khác gì với cái nghĩa của ông Kant (Tàu dịch là Khang-đức) là một nhà đại triết-học nước Đức về thế kỷ XIX, học thuyết của ông gọi bản thể của vũ-tru là vật như 物如, vật như tức là cái mà hết thấy lý tính đều bởi đó mà ra. Ông có làm ra sách « Phán đoán về lý tính thuần-chính » và sách « Phán đoán về lý tính thực tiễn ». Lý thuyết của ông đã mở một kỷ nguyên cho khoa triết học gần đây. Đã phân ra lý tính thuần chính (Pure reason) với lý-tính thực tiễn (Protical reason). Kinh Pháp-hoa nói : « Hết thấy chúng sinh, đều là con ta. Chỉ có một ta, là cứu hộ được ». Lại kinh Nát-bàn nói : « Vì như một người, có bảy đứa con. Trong bảy đứa con, một đứa bị bệnh. Trong lòng cha mẹ, vốn là bình đẳng, nhưng với đứa ốm, lòng càng thương nhiều. Như lai cũng thế, đối với chúng sinh, vốn lòng bình

đẳng, với kẻ có tội, lòng càng nặng hơn». Ấy những kinh điển trọng yếu của phái Thiên-thai thuyết minh về nhân cách pháp thân là như thế.

Đức Thích ca thuyết pháp dạy cho người ta về cái nghiệp lực kiết ma (Karma) nó như bóng theo hình, dường như có thiên mệnh ở trong. Sau các phái Đại-thừa cũng đều biểu chương công đức của pháp thân cũng như thế. Còn về pháp tính thường trụ, tuy Ngài không chủ trương về cái thuyết « Thân nhân đồng hình đồng tính 神人同形同性 » (Anthropomorphism), nhưng ngài nói đức Phật pháp thân thường trụ ở thế gian lấy sức từ bi hộ niệm cho chúng sinh. Pháp tính của Ngài ấy không đâu không có, ở trong hết thảy sự vật thế gian, ở trong hết thảy tâm chúng sinh, không cái gì mà không có. Cái pháp lực tuyệt vời mẫu nhiệm so với Phật-dà ứng hóa này lại càng lớn lao gấp mấy.

XXV. - Sự nghiệp chú tác của Trí giả Đại-sư

Hồi Tây lịch 797 (năm Khai hoàng 17 đời vua Tùy Cao-tô) một vị cự phách trong đạo Gia-tô là Augustine đương mở mang giáo hóa ở Canterbury nước Anh, thì một nhà hiền hòa tư tưởng về thần bí triết học ở Trung quốc là Ngài Trí-khải thị tịch ở núi Thiên thai nơi của ông rất yêu mến. Sách của ông làm còn lại đến hơn 20 thứ, lưu truyền ra rộng lắm và rất có thể lực. Mấy Bộ sách rất thiết yếu là Pháp-hoa kinh huyền nghĩa 法華經玄義, « Pháp hoa kinh văn cú 法華經文句 », « Ma ha chỉ quán 摩訶止觀 ». Ngài Trí-khải khi còn tại thế, vua nhà Tùy thân đến nghe Người giáo hóa; rất lấy làm kính lễ, có kính Người một sư hiệu là « Trí-giả đại sư 智者大師 ».

XXVI. - Sự bổ sung cho phái Thiên-tông và Thiên-thai

Thuyết « minh tâm kiến tính » của Ngài Trí-khải đều là những Đại-thừa pháp môn của trong nhà chùa,

không đủ hóa rộng được quần chúng cho ai nấy điều toả mãn.

Vì rằng mục đích của phái Thiên-tông và của phái Thiên-thai đều không cầu cho hết thảy mọi hạng người hướng hóa. Cho nên có một phái Phật-dồ theo lối Ấn-độ giáo (Hindui Zed Buddhiste) muốn cho Phật-giáo hóa khắp quần chúng, bên thừa cơ nổi lên. Phái này khéo đặt ra những vị thần cho đạo Phật để thờ-cúng, rồi lại đem cả những vị thần của Ấn-độ-giáo (Hindu Deities) để thờ lạy vào trong những vị của đạo Phật. Cách thờ cúng này đã thịnh hành từ ở bên Thiên-trúc, do bọn đồ đệ đạo Phật bên ấy muốn điều-hòa Phật-giáo với đạo Ấn-độ giáo (vốn là đạo Ba-la-môn mới đổi tên) nên phải chịu làm cái kẻ dó, thành ra tổn hại đến cả tinh thần của đạo Phật.

Ngài Đạt-ma sở dĩ bỏ nước mà sang Đông độ cũng chỉ vì bất mãn với cái lối lập giáo trên ấy, có người lại nói cái nguyên nhân Ngài Đạt-ma sang Đông-độ chỉ vì pháp-môn của Ngài lập ra nó giống với phái Phệ-đam-đa (Vedantist, một phái triết-học trong sáu phái ngoại đạo Ấn-độ), bị phái chính thống Phật-giáo ở Ấn-độ ruồng đuổi mà phải đi. Song việc đó không phải chỗ bàn ở bài này, đây chỉ nói về cái chỗ Ấn-độ-giáo vì sao được hòa lẫn vào Phật-giáo mà thôi. Xét ra dường như bởi ở phái Du-già (Yogacara School) của Ngài Vô Chử đã mở lối ra. Đạo Phật đã bị pha lẫn như thế thì chỗ mặt thực của đạo Phật vốn khác với cái đạo thờ đấng Đại tự tại Thiên (Saivite Hinduism) cũng hầu bị hi sinh đi hết. Dưới đây nói về phái Du-già.

XXVII — Phái Du già 瑜伽宗

(Pháp tướng tông 法相宗)

Phật giáo lấy sự giải thoát mọi điều khổ não, chứng ngộ tới chốn chân như làm tông chỉ. Tông chỉ ấy các tông-phái trong Phật giáo đều như nhau. Nhưng mỗi tông phái lại phát triển mọi nghĩa thực tiễn tương ứng để làm đường lối cho tông phái mình, tức như phái Du-già là

một Lời minh huấn của phái Du-gia là « Quan hành tương ứng 觀行相應 », ta cứ nhận kỹ nghĩa của lời minh huấn ấy sẽ biết cái chí thú của phái ấy là thế nào. Phái ấy tuy nổi danh là phát huy về giáo-lý pháp tướng nhưng chỗ thực tế về sự quan hành của phái này là lấy cách chuyển thức chỉ cho được giải-thoát cứu cánh làm mục đích. Thực là một điều cống hiến rất vĩ đại về phần hình nhi thượng 形而上.

Vị đạo-sư của phái này là Ngài Vô-chức (Asanga) và Thế thân (Vasubandhu) đều là môn đồ đạo Bà-la-môn ở miền tây bắc Thiên-chúc mà qui y về đạo Phật. Về hồi đầu thế kỷ thứ tư (nhà Tấn bên Tàu) Hai ông đã tuyên dương giáo nghĩa phái ấy ra ở đất Ấn-độ, nay lược cử 3 điều giáo nghĩa chủ yếu như sau này:

XXVIII. - Tam tính 三性

Phái này phát huy cái nghĩa « nhị trùng nhận thức — hai lần nhận biết » để tỏ chỗ khác nhau của « chân » với « vọng »; bèn tóm lại lập ra ba nghĩa « tam tính ». Tam-tính là: 1. Người ta ban đầu trấp cái nghĩa thực-tại một cách thô thiển (Naive realism), rồi so sánh khắp cả mà vọng trấp rằng có ngã, có pháp, nhận rằng có tự tính và tự tính có khác nhau. Ấy gọi là « hiển kể sở trấp tính 遍計所執性 (Pabakalpita Lakshana). Đến khi tiến lên sự nhận thức lần thứ hai, người ta mới biết những đối tượng của vạn vật là bởi mọi duyên mà sinh ra, nó là nhờ ở mọi cái khác mà khởi lên chứ thực nó không có tự-tính. Ấy gọi là « Y tha khởi tính 依他起性 (Paratantra Lakshana). Người ta đã biết thế thì phái theo ở chỗ nhận thức ấy » làm gốc mà xa lìa cả mọi điều vọng trấp để hiểu rõ cái tính gọi là viên thành thực tính 圓成實性 (Parinisphana Lakshana) tức là cái tính có thực và viên mãn thành thực của mọi pháp đó. Nếu chúng ta thấu hiểu được cái viên thành thực tính ấy thì bao nhiêu mây mờ của cái biết giả

đổi kia đều vén quanh đi hết. Những điều tri-kiến đổi
đãi đã rập tắt hết thì tự hiểu biết ra rằng từ thân
câu ta đến cả khi thế giới này đều chỉ bởi một tâm
hiện lên, bấy giờ chúng ta sẽ siêu thoát cả cái ngũ
nhị nguyên luận nó phân biệt sinh tử với nát bần,
tâm với vật mà ta chừng được đạo viên tịnh bồ-đề.

XXIX. — A-lại-gia thức 阿賴耶識

Những lý thú thuyết duy tâm của phái Du-gia đã nói
như trên ấy nó có phân tách kỹ càng, như so với thuyết
duy tâm của phái Tam-luận tông 三論宗, nó càng bình
dị và chân thực hơn. Vì rằng phái Du-gia này thực là
một chủ nghĩa duy-tâm, chỗ đặc sắc của phái này là lấy
cái thức A-lại-gai (Alaya-jñana) làm chỗ duyên khởi của
vạn pháp, chỗ căn bản của ý-thức. Nó lại có cái « mặt
na thức 末那識 (Manas), lấy sự thường xem xét nghĩ-
ngợi làm bản thể, hợp với cái chủng tử kiết-ma 業
(Karma) mà khởi ra và hiện hành ra. Chúng ta thấy cõi
khi thế gian (Objective World) mà nghĩ ngợi để đối phó
đều là việc tác dụng mặt na thức đó. (Theo bài bát
thức qui củ tụng 八識規矩頌 thì bát thức là Mắt 目
tai 耳, mũi 鼻, lưỡi 舌, thân 身, ý 意, là tiền lục thức
前六識. Mặt na là thức thứ bảy, A-lại-gia là thức thứ
tám). Phái Du-gia nói cái tính hợp duyên của mặt na thức
này rất là tinh vi mờ nhỏ khó hiểu được. Còn như phái
này cho vô minh là cái nguyên nhân của sự khởi-hoặc,
trấp ngã 起惑執我 thì cũng cùng là một nghĩa của
Phật-giáo lúc hồi đầu. Đến như A-lại-gia thức, phái này
cũng cho là một cái có tự tướng về đương thể 當體
自相 tương đối, mà chân như thì mới là cái tự-tướng
về bản thể 本體實相 tuyệt đối. Chân-như là cái
không có thể lấy lời mà tả rõ ra được, dường như nó
không khác gì với hư không (Void) mà thực thì nó là
một nghĩa rất thẳng diên của mọi pháp. Nó là cái chân
thực chứ không phải là hư không, nó như vẫn thường
hằng chứ không biến đổi. Nếu ai cho cái tên « chân

như là kho khan tài gọi nó là « Như-lai tạng 如來藏 » (Tatoagta-garbha), thì sẽ mới đầy đủ mọi nghĩa hơn.

Cái nghĩa cốt yếu của phái này là nhận biết từ căn thân đến khí thể-gian đều không phải là thực có, nó đều không có tự-tính, hết thấy nó đều bởi duy thức mà ra cả, thì không cần kể gì đến nó nữa. Nghĩa ấy phi người thượng căn không sao hiểu được.

Xét như thế thì những lời mà ta giảng-thuyết bây giờ ta sợ có chỗ sẽ lại sai với bản nghĩa. (còn nữa)

D. N. T.

Vô-minh và Chân-như

Phật đã dạy rằng: chúng sinh đều có một thể tâm chân như thanh tịnh giống như Phật cả. Phật lại dạy:

Phật là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành. Ta tuy còn là người trần tục, không thể chứng đến chỗ cao siêu huyền diệu như Phật được, nhưng ta cũng phải tin thế là một chân lý. Vì thân ta có 2 phần: là phần tinh thần và phần vật chất, Phần vật chất thì không nói làm gì, nhưng còn phần tinh thần là phần vô hình bất tử. Ta nên mong có nhiều lý luận về phần này, vì càng biện luận, chân lý càng rõ rệt, mà chân lý có rõ rệt thì lòng tin đạo của ta mới được vững bền như thạch trụ, không sợ rúng lở ba dao nữa.

Vậy nếu ta cứ tĩnh tâm mà xét ngay cái phần chân tâm bên trong thân ta, thì ta sẽ biết là nó thường bị vô minh che ám, cho nên ta cứ phải phấn đấu luôn luôn phấn đấu suốt đời ta cũng như một chiến sỹ ở ngoài bãi chiến trường vậy, vì lỡ ra một tý thì bên địch tức vô minh, có thể lấn áp được ta ngay và làm cho ta thành ra một người vô nhân đạo. Đối với thân ta, ta sở dĩ biết được rằng, ta vẫn phải phấn đấu luôn luôn với các mãnh lực khác tương đối với ta, là nhờ có linh

giác của ta mà ta chứng biết và tin được là như thế. Và có như thế thì mới tỏ ra rằng ta vẫn bảo tồn được bản thể chân như của ta, ta không để cho nó đến nỗi phải bị chôn vùi vào chỗ tối tăm, tức là ta không để mất chân tâm của ta vậy. Phật Thánh đã dạy ta tồn tâm dưỡng tính hay tận kỹ tâm tri kỹ tính là thế.

Cái thể tâm chân như của ta kia vốn nó thật là thanh tịnh sáng láng như nước không sóng, gương không bụi, vì nó bị ký tạng ở trong cái ô trọc, nên nó dễ bị hôn ám bởi vật dục, cũng như nước có sóng bởi gió, gương bị mờ bởi bụi. Gió động tất sóng khởi, bụi bám tất gương mờ. Đó là bởi tính tự nhiên của các thể chất ấy, nhưng lúc không gió thì mặt nước lại im phẳng, khi phủ bụi đi thì mặt gương lại sáng nguyên. Vậy thì tâm chân như của ta cũng thế, hề lìa bỏ được vật dục, thì thể ấy lại hoàn nguyên thanh tịnh. Nhưng lìa vật dục không phải là việc dễ. Vì như trên đã tỉ dụ, chân như với vô minh, vật dục cũng như nước, gương với gió bụi, cho nên hề vô minh huân nhiễm tất vọng tâm khởi, vọng tâm khởi tất vật dục ám. Đó cũng là bởi tính tự nhiên của các thể chất bên trong thân ta.

Nhưng nếu ta cứ trầu tính tâm ta, ta không hành động gì cả thì vọng tâm khởi tức lại diệt, vật dục ám rồi lại tan. Bởi thế trong phép tu đạo Phật lấy định tâm làm đầu.

Nhưng nhân gian có, nhân dục phải có, nhân gian còn, nhân dục phải còn. Chỉ hiềm vì lòng dục của loài người lại không có bờ. Hễ nó dịch sử được người ta là nó đem người ta vào con đường nguy hiểm lầm lỗi ngay. Cho nên Phật Thánh đã phải đem đạo lý dạy cho người ta biết đem tâm dục vào con đường lẽ giáo, là các Ngài muốn cho người ta biết giữ lấy nhân đạo để bước dần dần lên con đường chính đại quang minh, mà khỏi phải sa đọa vào con đường trụy lạc tối tăm nữa.

Vậy ta chỉ mong cho ai ai cũng đều biết đem tính tính

của mình mà đặt vào trong khuôn phép đạo đức; như thế thì loài người cũng nhờ đó mà bớt được phần khổ não, xã hội cũng nhờ đó mà thêm được phần yên vui.

Còn việc tu hành để mong chứng được đến cõi cao huyền thì là việc riêng của những bậc cao minh đại đức chứ không phải là việc dễ mà ai ai cũng mong tu chứng được đâu.

Mấy lời sơ lược, một bầu nhiệt huyết, giám mong chư đại đức, chư tôn độc giả bĩ xả cho.

Nam mô A-Di-Đà-Phật.

PHAN LÂM

VĂN UYÊN

THỨ NHẤT LÃ TU TẠI-GIA

Khuyến nhau đừng vội bước đi tu,
 Này bụt trong nhà trước phải tu,
 Gia thẳng lòng ngay là đức-dạo,
 Thờ cha kính mẹ ấy chân tu.
 Ở lành như đã nghe lời Phật,
 Ăn mặn còn hơn mượn tiếng tu.
 Kinh lễ lục phương xin cố tụng,
 Gia đình sớm liệu biết đường tu.

THỨ NHÌ TU CHỢ

Gia đình sớm liệu biết đường tu,
 Thành-thị ra ngoài lại ở tu.
 Buôn bán trăm nghề sao chẳng giữ,
 Công bằng một mực chính là tu.
 Mất cân lay dẫu không hề giới,

Miếng độc lòng tham cốt phải tu,
 Bác ái đã từng theo tính Phật,
 Lên chùa tham học đạo thì hay tu.

THỨ BA TU CHỪA

Lên chùa tham học đạo thì hay tu,
 Trước phải tu nhà, chợ cũng tu.
 Cầu kẻ, cầu kinh khuya sớm tụng,
 Tay chuông, tay mõ sáng ngày tu.
 Tam quy mong mỗi nhớ ơn rộng,
 Ngũ giới nguyện xin đừng vi phạm.
 Tu lòng, tu tâm, tu đạo Phật,
 Tu đâu thì cũng một lòng tu.

Nguyệt Hiền : | Đỗ-ngọc-Bá

Tặng hai Tỷ-khuru Thái-hòa và Thanh giản
 { sang Cao-miền nguyện cứu Tiểu thừa Phật học

Đất bắc thành nam mây cội xa,
 Hết lòng vì đạo ngại chi mà.
 Đường tuy muôn dặm như đôi bước.
 Đất dẫu năm châu cũng một nhà.
 Xin gầy nấng cao nền Thích-giáo.
 Đề cùng dựng lầy hội Long-hoa.
 Mai sau công quả truyền Thanh-dân,
 Non nước ngàn thu tiếng Thái-hòa,

Thục-đức Bồ-tát hiệu Diệu Tuệ
 Rue hàng bát Hanoi

VIỆT-NAM T HIỂN-TÔNG THẾ-HỆ

(tiếp theo)

(Ph di Tl-ni-da-luu-chi)

(Đời thứ 1; có 3 người khuyết một)

1. Giới không 戒空 Thiền sư

Giới không Thiền-sư trụ trì ở chùa làng Tháp-bát 塔鉢, quận Mãn-dầu. Tiền-sư quê ở quận Ấy, họ là Nguyễn tên là Tuấn, con một nhà nền nếp trung-hậu. Từ nhỏ Thiền-sư đã vui vẻ về đạo Phật. Khi mới xuất gia, Người theo sư cụ Nguyễn-hòa Quảng-phúc ở núi Chân-ma và thụ giới cụ túc ở đấy. Thờ thầy được vài năm thì bèn ngộ được diệu-chỉ ở Sư-cu Bạch-sơn Kết-nhất-am. Trong 5 năm chuyên ở nơi thanh vắng để tu-học, sau mới hạ-sơn đi đến đâu đến-hóa đến đấy. Nhân đi qua hạt Nam-sách vào thăm chùa Thánh-chủ (nay gọi chùa Kinh-môn) bèn ở lại đó, Người lại cấm-túc (cấm chân không đi đâu) tại đó 6 năm và tu hạnh nhẫn-dà, thành ra sai khiến được cả quỷ-thần, thuần phục được cả cầm thú. Vua Lý Nhân-tông cho vời người mấy bận mà Người đều cáo từ không ra. Lần sau cùng vua triệu, bắt đặc đi Người phải vâng lời. Năm Đại-thuận thứ 8 (1135), bệnh dịch nổi to lắm, Giới-định Thiền-sư vừa mới đến của khuyết thì vua ban sắc cho Người đến làm lễ cầu-đạo ở chùa Gia-lâm. Người đọc thần chú vào nước lã cho những kẻ bị bệnh uống thì đều khỏi cả. Mỗi ngày có đến 1000 người nhờ đó thoát nạn bệnh dịch, vua rất lấy làm khen ngợi, ban cho mười nóc nhà để cung đón Người. Cuối năm ấy Người về cố-hương, trùng-tu lại ngôi chùa ở làng những 95 nóc. Một ngày kia, Người đang vô-bệnh bỗng đọc bài kệ cho đồ-chúng nghe rằng:

我有一事奇特 我有一事奇特 Ngã hữu nhất sự kỳ-đặc,
非青黃赤白黑 Phi thanh hoàng xích bạch hắc.
天下在家出家 Thiên-hạ tại gia xuất-gia,
親生惡死為賊 Thân sinh ác tử vi tặc.

不知生死異路 Bất tri sinh tử dị lộ,
 生死祇是失得 Sinh tử chỉ thị thất đắc.
 若言生死異塗 Nhược ngôn sinh tử dị đồ,
 賺却釋迦彌勒 Trăm khước Thích-ca, Di-lặc.
 若知生死死生 Nhược tri sinh tử tử sinh,
 方會老僧處匿 Phương hội lão tăng xứ nặc.
 汝等後學門人 Như đẳng hậu học môn nhân,
 莫認盤星軌則 Mạc nhận bàn tinh quỹ tắc.
 Dịch :

Ở đời một việc rất kỳ,

Chẳng vàng đỏ chẳng đen-xì trắng xanh.

Ấy là cái « Cuộc tử sinh »,

Không đạt lẽ nó tu-hành ích chi.

Đường sinh lối tử, tuy chia,

Nhưng sinh tụ, tử thì là tan.

Nếu rằng « Sinh tử khác phương »,

Là quên cái lẽ hằng-thường đạo ta.

« Tử sinh » lẽ đã hiểu ra,

Thì hay cái chỗ đây ta sẽ về.

Các người đồ-dệ ta kia,

Chớ nề khuôn-phép chi-chi mà lắm.

Đọc xong bài kệ, Giới không Thiều-sư cười lên một tiếng to rồi chấp tay mà hóa. Không đệ tử có quan Châu mục Lê công Kiểm, qua Phòng át Xứ Hán công Đình rước Người lên đàn hỏa rồi thu xá-lợi xây tháp, tạc tượng để thờ.

2. Pháp-giong 法融 Thiền sư

Pháp-giong Thiền sư trụ trì chùa Hương nghiêm, núi Ma ni, phủ Thanh hóa. Quê Người ở Bối lý 貝哩, họ

Lê, cháu Đường Ái, con cháu quan Châu - mục Lê công Lương, trải 15 đời là một họ danh vọng ở châu ấy. Cha Người là Huyền-ngưng, đạo hiệu là Tăng phán Người giảng mặt tươi tốt lợi văn thanh tao, phàm những áng văn hay và bài kệ hay nào, người cũng đều khảo cứu đến. Lúc còn nhỏ mới xuất gia theo ngài Tăng - thống Nguyễn Khánh hỷ. Ngài Khánh hỷ ngợi khen là trò có tài lạ, bèn truyền pháp ấn cho. Từ đấy người vui chơi non nước, muốn đi đâu thì đi. Đến đâu đều tuyên dương giáo hóa, rồi mới trụ lại ở chùa Khai-giác núi Thửu phong dạy học. Học trò đến học đầy nhà. Mãi sau Người mới trở về núi Mã ni dựng ngôi chùa ở đến già. Năm Thiên cảm Chí bảo nguyên niên (1174) đời vua Anh tông nhà Lý, ngày mồng 5 tháng 2, Pháp-giong Thiền-sư tạ thế vô bệnh mà hóa. Đệ tử là bọn Đạo-lâm làm lễ hỏa-táng ở chùa bản tự và xây pháp thờ.

(còn nữa)

Đ. N. T.

Phật-pháp tới Trung - kỳ

Bài diễn-giảng của ông Hoàng-mông-Lương, Y-sĩ Đồng-dương Hội trưởng hội Phật-học tỉnh Quảng-ngãi (Trung kỳ) nói tại chùa Quán-sứ Hanoi, Hội-quán hội Phật-giáo Bắc-kỳ, ngày 10 tháng 10 ta (1-12-1939).

Hoàng Tiên-sinh là một vị Y-sĩ Đồng dương nhiệm chức ở nhà thương Quảng-ngãi, một vị Hội trưởng hội Phật-học Quảng-ngãi, nhân Hoàng tiên-sinh ra dự hội nghị Y-học Viễn-dông, có đến thăm hội Phật giáo Bắc kỳ, Cụ Hiệp Nguyễn Hội-trưởng hội Phật giáo tỉnh Hoàng tiên-sinh phát tâm thuyết pháp đề lợi lạc cho giáo-hữu Bắc-kỳ, nên tiên sinh gifting bài này. (Bài này hội Phật-học Huế đã duyệt và đã giảng tại Huế.

Trước khi giảng. Cụ Hội-trưởng hội Phật-giáo Bắc kỳ có đặt tiệc hoan nghinh Hoàng tiên-sinh tại

lưu đệ Thái-hà-ấp và có mời đông các vị trong ban Trị-sự, các vị Cư-sĩ dự tiệc. Tiệc xong, 7 giờ rưỡi tối, Cụ Hội-trưởng Nguyễn và nhân viên hội Phật-giáo mời Hoàng-tiến sinh ra chùa Quán-sứ Hanoi, lên diễn đàn thuyết pháp. Vì có đăng báo, từ chúng đến dự thính đông lắm, ai nấy đều lấy làm hoan hỉ, mừng cái cơ liên lạc của các hội Phật trong quốc độ ta nhân đó ngày thêm thân mật, kết tình đồng đạo, giác ngộ lẫn cho nhau mà không phân biệt khu vực nào.

Tôi xin thay mặt hội Annam Phật-học ở Huế đề kính chào quý ngài và đề cảm tạ tấm lòng đại độ của cụ Hội-trưởng ở đây là Nguyễn-Tướng-Công. Cụ đã cho tôi dịp quý hóa này để được gặp các Ngài-hôm nay.

Tôi rất vui mừng nhận thấy ở hội Phật-giáo Bắc-kỳ, trong cuộc chấn hưng Phật pháp có đủ các bậc thượng lưu xã hội; từ thanh niên trí thức cho đến các vị lão thành từ các bậc cao tăng Đại-dức cho đến các nhà cư-sĩ, ai ai cũng một lòng sốt sắng nhiệt thành. Cũng như các cuộc chấn hưng về phương diện Kinh-lễ và xã hội ở đây. Xứ Bắc-kỳ lại đang làm gương cho xứ Trung-kỳ trong cuộc chấn hưng Phật-Pháp nữa.

Bây giờ tôi xin nhập đề: Tôi xin nói về hai chữ Phật-pháp rồi tôi sẽ kể qua cái hành trì của Phật-pháp đi từ Ấn-độ qua tới Trung-kỳ.

Phật, nói cho đủ thì phải nói là Phật-đà, nghĩa là bậc đã giác ngộ. Giác ngộ nghĩa là rõ biết những điều mê lầm. Ví như có người thường ngày vào rừng, hay đau sốt rét, khổ sở vô hạn, người ấy uống nhiều thứ thuốc không lành bệnh; một ngày kia người ấy uống thuốc ký-ninh, hết đau sốt rét, thì mới nhận biết ký-ninh là vị thuốc trị bệnh sốt rét rất thần diệu. Về sau, người ấy uống thuốc ký-ninh trước rồi mới vào rừng, đến lúc trở về không bị đau sốt rét thì người ấy lại nhận thêm rằng uống ký-ninh trước có thể phòng ngừa bệnh sốt rét

Lỗi nhận biết thuốc ký-ninh là một vị thuốc chữa lành bệnh rét và phòng ngừa bệnh rét có thể gọi là giác ngộ một phần về phương-diện trị bệnh.

Lại như các nhà hóa-học phân tích ra mà nhận biết rằng nước chỉ do hai thứ hơi dương khí và âm khí hiệp lại mà thành ; cho đến các nhà bác vật nhận biết các điều quan hệ đối đãi với nhau giữa hoàn cảnh, nhận biết cái sức mạnh của hơi nước, của điện-khí v.v.v, đối với khi chưa biết, đều có thể gọi là giác-ngộ.

Lại như một người chiêm bao thấy mình trúng xổ độc đắc, hay thi đậu làm quan mà sung sướng vui mừng, hoặc bị voi đuổi cạy ví hay bị mất của chết người mà sợ hãi lo buồn, đến khi tỉnh giấc mới biết những sự sung sướng vui mừng, hay là sợ hãi, lo buồn kia là chiêm-bao, không thiệt ; khi thức tỉnh, đối với khi chiêm bao có thể gọi là giác-ngộ.

Song những lỗi giác ngộ như vậy còn là những lỗi giác ngộ đối-dãi về mỗi một phương-diện, cho nên giác ngộ đều này mà không giác ngộ đều khác, giác ngộ ở trong trường hợp này mà không giác ngộ ở trong trường hợp khác, nên tùy theo trường hợp, tùy theo việc làm có thể gọi là giác-ngộ nhưng không phải thiệt có cái tánh giác ngộ. Một bậc có tánh giác ngộ thì cần phải biết rõ muốn sự, muốn vật một cách đứng đắn, đoạn trừ tất cả các nguyên nhân của thân bệnh và tâm bệnh, không còn các điều khổ não, không còn các sự lầm-lạc mới dung ; những bậc có tánh cách như vậy là những bậc đã tự giác-ngộ về phần mình một cách thiết-thực, Trong các bậc đã tự-giác như vậy, có bậc chỉ thường an vui trong cảnh giác-ngộ mà không nghĩ đến ai, có bậc thì đem phương-pháp giác-ngộ mà giảng vẽ cho kẻ khác được giác-ngộ. Những bậc chỉ vẽ cho kẻ khác được giác-ngộ là những bậc giác-tha. Những bậc giác-tha thường xem rõ cái an vui trong cảnh tự-giác, phát ra cái lòng từ-bi rất rộng lớn, nương theo trí-thức của mỗi loài mà chỉ vẽ phương pháp tu-trì, nên sự kinh nghiệm của các

bậc giác-tha trên con đường giác-ngộ rất rộng lớn, rất sâu xa, hơn các bậc tự giác nhiều lắm. Sự kinh nghiệm trong đường giác-ngộ càng nhiều, trí-tuệ lại càng mở mang đến khi cả về phương-diện tự-giác và về phương-diện giác-tha, công hạnh đều hoàn toàn không còn gì hơn nữa, thì gọi là giác-hạnh viên mãn.

Đức Phật là cái biểu tôn quý để kêu gọi các bậc tự giác, giác-tha, giác-hạnh viên mãn. Tự giác nên khác với những kẻ còn mê lầm. Giác-tha nên khác với các vị thanh-văn, giác-hạnh viên mãn nên khác với các vị bồ-tát.

Đức Phật hiện làm giáo chủ cho thế giới sa-bà chúng ta đây là Đức Thích-ca mâu ni, ngài thác sanh làm Thái-tử vua Tịnh-phạn-vương trong xứ Ấn độ. Ngài vẫn vô toàn tại; học rộng thấy xa, như gặp các cảnh Sanh, lão, bệnh, tử, giữa thế gian. Ngài động lòng thương xót, bỏ nhà đi tìm một mối đạo, có thể giữ trù các sự thống-khổ giữa đời, sau khi tham-cứu các đạo hiện có tại Ấn-độ và nhận rõ là chưa rốt ráo, Ngài vào nhập định trong Tuyết-sơn trọn sáu năm. Về sau, Ngài được giác-ngộ hoàn toàn, không còn các sự mê lầm thống-khổ, ngài mới đem các phương-pháp giác-ngộ mà dạy vẽ cho đời, những phương pháp ấy gọi là Phật pháp.

Trong 49 năm, ngài tùy theo cơ-căn mà thuyết pháp cho mọi người, nhưng đệ-tử y theo phương pháp tu-trì; một số đông cũng đã được giác-ngộ.

Sau khi Phật nhập-diệt rồi, các vị đại đệ tử nhóm nhau lại mà kiết tập kinh điển, nghĩa là ghi chép lại những lời Phật dạy từ trước. Trong kỳ nhóm họp lần đầu thì chỉ tụng lại các kinh chứ không chung nhau ghi chép kinh-diễn một cách công khai, kỳ nhóm họp thứ hai, thì đã ghi chép kinh điển thành tạng để làm mô-phạm cho đời sau; kỳ nhóm thứ ba thì quyết định ý nghĩa các điều giới-luật của chúng xuất gia,

ký nhóm thứ tư thì đã thấu góp ý nghĩa các kinh lập thành từ bộ-luận để tiện bề tham-học.

Về sau, các vị Tồ-sur lại tùy theo cơ duyên hiện tại hoặc riêng giảng giải một bộ kinh này, hay giảng giải một bộ kinh khác, làm ra nhiều bộ luật và lập thành các tôn-pháp tu-trì. Do đó nên kinh điển của đạo Phật gồm có ba tạng : là kinh tạng, luật tạng và luận tạng. Kinh tạng ghi chép những lời Phật dạy về các phương pháp tu trì, luật tạng ghi chép những giới luật trong chúng tại gia và xuất gia, giới luật do Phật đã chế ra cho những chúng tu học phải giữ để tu-trì. Luận tạng để ghi chép các lời luận bàn của các vị tồ-sur về ý nghĩa trong các bộ kinh để cho những chúng tu học để lãnh hội những lời Phật dạy.

Từ đời vua Hán Minh-đế, Ngài Ma-đăng và Ngài Chúc-pháp-lan đưa tượng Phật và kinh Phật sang thủ-đó Tàu, hàng phục các ngoại đạo giữa triều-đình ; Vua Hán Minh-đế mới quy y theo đạo Phật, lập ra bạch mã từ đề cho Ngài Ma-đăng và Ngài Chúc-pháp-lan an trụ và cùng với chúng đệ-tử dịch kinh chữ Phạm ra chữ Hán. Các vị đệ-tử đầu tay của hai Ngài chính là các ông Thầy có danh tiếng của ngoại đạo đã quy phục nhà Phật. Về sau nhiều vị tồ-sur Tây-trúc sang Tàu để truyền đạo và phiên dịch kinh điển, lại có nhiều vị người Tàu sang Ấn-độ tham học Phật pháp. Trong các vị đó, ngài Huyền-trang thì chẳng những đã tham học Phật-pháp một cách rất ráo mà lại còn được toàn-thể Tảo-gia bên Ấn-độ tôn là Đại-thăng-thiên. Ngài Huyền-Trang, chữ Phạm, chữ Hán đều giỏi tốt bậc chỗ tham học đến nơi đâu chốn, đương tu hành đã đến quả vị Đại-bồ-tát, nên được nhiều vị Quốc-vương bên Ấn-độ sùng bái, cùng dường đủ các kinh và giúp đỡ cho sự chuyên chở về đến Trung-quốc. Ngài Huyền-Trang về nước, so sánh các kinh chữ Phạm và những kinh đã dịch bằng chữ Hán, kinh nào đúng nghĩa thì chừng nhận, còn một vài bộ chưa được hoàn toàn thì

Ngài dịch lại. Ngài lại dịch hơn một phần ba (1/3) các bộ kinh mới đưa về, cộng gần 3.000 quyển. Từ đó kinh Phật bằng chữ Hán đủ nhiều, nên các ông thầy người Tàu từ lúc đó chỉ học kinh chữ Hán chứ không phải học chữ phạm như trước nữa.

Về sau nhiều vị Tồ-sư bên Tàu tu hành đắc đạo, riêng đem ý nghĩa trong một bộ kinh mà diễn rộng ra, như ngài Thanh-lương giảng kinh Hoa-nghiêm, Ngài Tông-Mật giảng kinh Viên-Giác, làm cho giáo-lý của đạo Phật càng được xướng minh ở Trung-quốc.

Trong xứ ta, đạo Phật truyền qua cũng đã lâu đời và thịnh hành nhất ở đời Đinh, đời Lê, đời Lý, đời Trần, trong các đời ấy cũng có nhiều vị Tồ-sư sang Tàu học đạo rồi đem Phật pháp về truyền bá trong nước, chỉ vì xứ ta dùng chữ Hán làm quốc văn nên không có phiên dịch.

Ở xứ Trung-kỳ, trước vẫn là nước Chiêm-thành, từ ngày đức Giê-du trấn miền trong núi Hoành-sơn thì lần lần mới thuộc về nước Annam, Ngài Hiếu-văn, Ngài Hiếu-võ rất sùng thượng đạo Phật nên trong xứ mới bắt đầu lập các tự viện. Sau ngài Hiếu-võ muốn thọ giới mới nhờ Ngài Nguyên-thiều về tàu thỉnh mười Đại-sư sang truyền giới, các vị Đại-sư sau khi tuyên giới rồi, phần nhiều ở lại trong xứ khai sơn các chùa, nhờ đó Phật-pháp ở Trung-kỳ mới được thịnh-hành, Trong mười vị Đại-sư, có ngài về phái Lâm-tế, có ngài về phái Tào-Động, nhưng hiện nay thì chỉ còn phái Lâm-tế mà thôi; nhất là về chi phái đệ tử ngài Liễu-quán, khai sơn chùa Thuyền-tôn; một vị đệ tử đắc pháp nữa là ngài Tử-Dung, khai sơn chùa Tử-dâm; Ngài Nguyên-thiều, Ngài Tử-Dung, Ngài Liễu-quán đều là những vị Tồ-sư đã minh tâm kiến tánh, nên chính pháp trong lúc ấy rất hưng thịnh, hiện nay trừ Bắc-kỳ ra, giáo pháp của Phật lưu truyền trong Trung-kỳ và Nam-kỳ đều nhờ công đức của ba ngài Tử-dung, Liễu-quán, và Nguyên-

thiều cả. Giáo pháp của Phật vẫn vô lượng, nhưng tóm lại cũng không ngoài năm thừa là : Nhơn-thừa, Thiên thừa, Thanh-văn-thừa Bồ-tát-thừa

Nhơn-thừa cốt để chỉ dạy cho biết các điều lành dữ, biết nhơn quả, biết nghiệp báo, để giữ trọn tư cách của một người hiền lành.

Thiên thừa cốt dạy các phương-pháp tu trì để phước báo vượt trên cảnh giới loài người và thành các bậc siêu nhơn. Những bậc siêu nhơn còn lòng đam dực thì gọi là Dục-giới-thiên, còn có thân hình thì gọi là Sắc-giới-thiên.

Thanh-văn-thừa và Duyên-giác-thừa thì dạy những phương pháp tự giác.

Bồ-tát-thừa thì dạy những phương pháp giác-tha, đến khi công hạnh tự giác giác tha đều được viên mãn tức là thành Phật.

Nói tóm lại, Phật là vị giác ngộ hoàn toàn. Phật-pháp là những phương pháp Phật dạy để mọi người tu trì cho được giác ngộ.

Chúng ta ở đây toàn là đệ tử Phật, lại là hội viên các hội Phật-giáo thì hẳn phải tham học Phật pháp. Chúng ta phải đi theo con đường khảo cứu mà các bậc đàn anh đã gạch rỏ cho chúng ta như ông Trần-trọng-Kim, ông Trần-văn-Giáp v. v. Tham học Phật pháp có nhiều cách học kinh nghe giảng, nghe nói chuyện, miễn hiểu rõ phương pháp tu trì để giác ngộ tức là hiểu rõ Phật pháp.

Các ngài vì tình đạo hữu, đã hạ cố đến đây chứng giám, cuộc nói chuyện này đã khá lâu rồi, chúng tôi xin cảm tạ các Ngài và chúng tôi cầu nguyện rằng, giờ liền lạc tinh thần của hai hội ta càng ngày càng bền chặt để một ngày kia theo tinh thần Phật pháp, đồng bào ta được đồng-mãnh mà sống trong cuộc đời tự giải và giải tha.

Nam-mô A-Di-đà Phật

Hoàng - mông - Lương

MUỐN ĐẠT ĐẾN MỤC - ĐÍCH
THỂ - GIỚI ĐẠI - ĐỒNG
*cần phải rõ ba cái 'nguyên - nhân
bất - bình - đẳng*

(tiếp theo)

(Hoặc) nghĩa là vô minh hoặc, tức là cái nguyên nhân
ngăn che bản tánh chúng sanh vô thủy đến nay, thành ra
chúng sanh thường ngày, cứ nhận chặt cái vọng tưởng
sanh diệt diên đảo sai lầm, cho là tâm tánh của mình,
nên mỗi mỗi cái hành động và thấy nghe hay biết, đều
trái với cái chánh - lý cả - Sao gọi trái với chánh -
lý ? như cái thân của chúng ta là một vật bất tịnh, mà
chúng ta nhận lầm là thanh tịnh ; thân của chúng ta do
nhờ các nhân duyên địa, thủy, hỏa, phong, hiệp-thành,
chờ đem phân tích ra thì không có cái gì là ngã cả, mà
chúng ta nhận-lầm có cái thật-ngã tồn tại ; Các pháp trong
thì thân tâm, ngoài cho đến cảnh vật, đều thay đổi vô
thường thay đổi cho đến phút đồng hồ mà niệm trước
khác niệm sau, thế mà chúng ta trở lại nhận lầm thân
tâm và cảnh vật là chân thật trường tồn, thân của chúng
ta từ khi đầu thai trong bụng mẹ, chịu biết bao nhiêu
sự khổ, như ở trong một cái ngục hắc ám tanh hôi,
rồi đến khi sanh ra chưa được bao lâu, mà những
cái khổ già đau sống chết nó đã đến một bên
lưng, còn khi tiếp xúc với hoàn - cảnh không được
mãn nguyện, rồi sanh ra chi tiết nỗi buồn-rầu khổ sở, nhưng
người đời khổ thiệt, đương thân thích mặt thiết cùng nhau
một cảnh ngộ, mà phút chốc đã hóa thành cảnh khổ,
từ biệt sanh ly thù ghét nhau chuơng, cùng một
cảnh cũng khổ, nói tóm lại cái khổ của người trăm
ngàn vạn sự khổ không sao nói hết, thế mà chúng
ta nhận-lầm đời người là sung-sướng khoái-lạc ; còn
việc không chấp có, việc có chấp không, như các pháp
ở trong vũ trụ đều nhờ nhân duyên từ đại hiệp thành
1. ngày nay khoa học đã phát minh rõ ràng chứ không
có ông Chúa-lẽ hay ông Tạo-hóa nào sanh ra vạn sự

vạn vật. Ấy tức là không mà chấp có; còn gây nhưn lảnh thì chắc thế nào cũng kết được quả vui. gây nhưn dữ thì chắc thế nào cũng chịu quả-khổ. thế mà chúng ta không tin, trở lại nhận lầm không có nhưn quả tội phúc, không có nghiệp báo luân hồi, ấy việc là có mà chấp không. phạm việc gì không đúng với sự thật, tức là trái với chân-lý, đã trái với chánh-lý tất nhiên phải chịu trăm bề mà lầm ràng buộc khổ sở, không bao giờ được tự tại giải thoát; cho nên trong kinh Phật thường dạy rằng: «tất cả chúng sanh vô thủy đến nay cứ nhận lầm cái vọng tưởng điều đảo mê-lầm làm tâm-tánh, mới gây ra món món hoặc nghiệp chướng điều đảo, nên phải theo hoặc nghiệp nhưn đó chịu khổ quả đời đời; hoặc nghiệp khổ cũng ví nhưn trái ác-xoa, khi nào nó sanh ra cũng ở với nhau một cuống, mà khi nó rụng cũng ba trái một lần, xem những việc điên đảo của Phật nói trên đây, thì đều gọi hoặc vô-minh-cã; mà cũng có thể gọi: là một cái ảo-tưởng không đúng với chơn lý của vũ-trụ.

Nghiệp. — nghĩa là hạnh nghiệp, tức là từ cái cử tâm động niệm của chúng ta hàng ngày phát lộ ra ở nơi mỗi mỗi sự hành động tạo tác; như những là thiện-nghiệp, bất thiện nghiệp, vô-kỷ-nghiệp, bất động nghiệp, cực trọng nghiệp, cận tử nghiệp, tập quán nghiệp, tích luy nghiệp, trăm ngàn vạn nghiệp không sao nói hết, nhưng không ra ngoài thiện-nghiệp và ác-nghiệp. Nay tôi xin nói sơ lược đại khái mà thôi

Sao gọi là thiện nghiệp, ở trong thiện nghiệp có chia ra làm ba phần:

1) **Thượng thiện nghiệp** lối tu về những pháp thập thiện, như là phóng sinh, bố thí, tiết dục, nói lời chơn thật, nói lời ngay thẳng, nói lời hòa giải, nói lời dịu dàng, giải thoát không bị con ma tham-ái ràng buộc, nhằn nhục, thường suy nghĩ những điều chánh-lý.

2) **Trung thiện nghiệp** lối tu về ngũ giới, không sát sanh, không-trộm cướp của người, không tà-dâm, không

nói dối gạt ai, không uống rượu.

3.) **Hạ thiện nghiệp** lối tu về lành có dữ có, mà lòng tham sân còn quá nặng

Còn sao gọi là ác nghiệp, ở trong ác nghiệp cũng có chia ba (3) phần :

A) **Thượng ác nghiệp** là lối thủ đoạn hành vi ác cảm thương tâm ở trong thập ác ; như những giết hại sanh linh, cướp dặt của người, tà dâm lòng xang tham vô yếm, lòng sân giận như lửa, lòng ugu si không biết phải quấy, nói lời dối trá để lừa gạt người, nói lời hai lưỡi, đem chuyện người kia nói với người này, nói lời điêu hoa dịu ngọt để xiêu lòng người mà thủ lợi về mình, nói lời thô tục rửa mặt người.

B) **Trung ác nghiệp** là lối hành vi thương luân bại lý, không có như các làm người, như những người không Thọ-tri tam qui ngũ giới không giữ trọn tam cương ngũ thường.

C) **Hạ ác nghiệp** là lối hành vi ngã-nghịch, không sao nói được, như những người giết cha giết mẹ, giết hại các bậc A-la-hán, phá cái hòa hiệp của chúng-tăng, hủy báng tam bảo và làm hại thân Phật ra huyết, nghiệp của chúng sanh không những thế thôi, cho đến trong mỗi niệm mỗi niệm hoặc suy nghĩ về sự lành hay suy nghĩ về điều dữ, cũng đều kêu hạnh nghiệp cả, vì cái suy nghĩ ở trong tâm thường làm cái trợ nhơn, tiêu biểu ở nơi các sự hành vi bằng ngày của chúng ta ; cho nên trong kinh có nói rằng : « Cữ tâm động niệm vô phi thị tội, vô phi thị nghiệp » như những lời nói trên đây đều kêu hạnh nghiệp vậy.

« Khổ » nghĩa là khổ quả, tức là chỗ kết quả thọ dụng của chúng ta đời hiện tại này, hoặc đời sau sau nữa ; nhưng cái chỗ kết quả thế nào, hoặc được giàu sang hay nghèo hèn, chi chi cũng đều do ở nơi chỗ gây hoặc nghiệp nhơn trước mà thọ dụng : như tu theo hoặc nghiệp nhơn thập thiện, thì được quả báo sanh về các cõi trời, hay

các thể giới trang nghiêm thanh tịnh; thân tâm được vui vẻ, thân thể được đủ các tướng tốt đẹp đoan chánh; còn chỗ thọ dụng tùy theo ý ưa muốn gì có bấy. Cũng như ở trong đời này, có người chỗ ở thì trang nghiêm rực rỡ, thân thể thì khỏi ngộ nghiêm chỉnh, trí thức thì thông minh khác thường; còn chỗ thọ dụng thì ưa muốn gì liền có bấy.

Như tu theo hoặc nghiệp nhơn ngũ-giới, thì được quả báo đời đời đủ nhơn cách làm người, cũng như ở trong đời này, có người từ khi sanh ra cho đến chết, thọ dụng với hoàn cảnh, tâm thức đủ năng lực phân-đoán việc chánh lẽ tà, không đui, không điếc, không cảm ngóng, không què tay gãy chân, ít tật bệnh nguy hiểm.

(còn nữa)

Lê chính-Tri — Huệ

TRANG HỌC TẮNG

« Bản báo mở ra mục này, để cho các học sinh tăng luyện tập văn chương, làm cái tài liệu hoằng pháp lợi sinh sau này. Vậy các học sinh tăng trong khắp thuyền môn, vị nào viết được bài nào chính đốn, cứ gửi về. Bản báo xem xét có thể đăng được sẽ đăng lên báo cả ».

LUẬN QUỐC VĂN

ĐẦU BÀI

Quyền Thủy-Xám than thân

BÀI LÀM

Sư bác Dũ có linh lười biếng, chỉ lêu lộng cả ngày, không chịu Thuyền, tụng, lễ bái gì cả, dĩ chí bài học chẳng bao giờ thuộc. Thượng-tọa thường đánh mắng sỉ vả thế nào bác cũng không sửa đổi tính nết ấy đi.

Hôm qua Thượng-lọa sang Trung-ương diễn thuyết, bác thừa cơ đó đi xem cinema, mãi đến 12 giờ đêm mới về, bài học không học qua được một lượt nào, đến chiều Thượng-lọa về bắt đọc bài học hôm qua thì bác không thuộc. Thượng-lọa phạt bác phải chép lại bài học mười lần. Tối đến bác lấy sách ra chép, chép mãi không xong, ngáp lấy ngáp để, sau bác gục xuống bàn ngủ. Bỗng văng vẳng nghe thấy tiếng khóc tí tí bên tai, thì ra quyền Thủy-xám khóc nức khóc nở. Bỗng bác Đái hỏi :

— Sao mà mày khóc ?

Quyền Thủy-xám vừa khóc vừa nói :

— Tôi nghĩ đến thân phận mà tôi mà phiền, không khóc làm sao được. Tiền-hiền làm ra tôi, biết bao công phu khó nhọc, những mong trừ diệt hết cái vô-minh ám phủ, diễn đảo phiền não, đoạn hẳn cái vọng chấp tà kiến, phá sạch sinh tử khổ nhân, cho hết thầy lục đạo từ sinh, đều thoát li sinh tử, phát huy được Như-lai đại minh giác tuệ, về thành cái quả Niết bàn màu nhiệm. Không may cho cái thân tôi : Sa vào tay bác, bác lừa dối như thế, có tôi cũng như không, tôi nghĩ liếc công các thánh hiền, không thể không than khóc được. Bác có thương tôi, thì bác nên nghĩ lại ; bác nên chăm mà học hành, mà tụng kinh xê bài, tôi sẽ giúp cho bác nên người có đủ tài, đức, giới luật tinh nghiêm, trí tuệ sáng láng, sau này có thể ra hoàng dương Phật pháp được. Nếu bác không nghe tôi, thì bác suốt đời ngu dốt, ai cũng khinh, ai cũng dè dặt được. Vả lại bác nên nghĩ đến công ơn trời che đất đỡ, cha mẹ sinh thành, sư trưởng giáo dục, thập phương tín thí, khiến cho bác có cơm ăn áo mặc, sách vở giấy bút học, nếu bác không hết sức chăm chỉ, chẳng phải là phụ ơn lắm ư ! Bác cố biết nghĩ đến từ-ân không ? Nếu có thì phải bỏ cái thói lừa dối biếng ăy đi.

Bác Dãi giật mình thức dậy, bóp chán nghĩ ngợi,
biết mình có tội to, lừ đờ chăm học hành, Thương-
tọa vui lòng và chừ lắng ai cũng đều kính trọng cả.

Tiểu học Sinh

Thích-thanh-Diệm

TẬP GIỮ TÍNH THÀNH



Bình dao loạn lạc mãi mà
Kỳ lân chim phượng bấy giờ đâu đây ?
Sao ta tàn hại vật trời,

Mình vui mà các thánh thời rất thương.

Thơ ông Đỗ-Rhủ

Tiểu học sinh tặng dịch

Bọn Bô đã thì lấy do bôi vào người làm phép tu y như con mèo nằm bấp : Bọn Ly bệ thì cho chân chuồng và nhỏ sạch tóc là quý, da để núi nở, chân căng sù sì, y như cây và ven sông ; Bọn Lân man thì lấy sương cối người làm trắng đeo cổ, thân thể đen dũi gầy gò y như con quý giả soa ở bên mã.

Bọn Chuơng già thì mặc toàn rẻ bần, ăn phân ăn rở hôi hám thối tha, y như con lợn dầm trong đống bùn bần, như thế mà các người cho là đạo, chả là ngu lắm ư ? Còn như bọn Số luận ngoại đạo, lập ra 25 đế, cho rằng tự tính sinh ra tứ đại, do tứ đại sinh ra ngũ chấp, sinh ra ngũ duy, sinh ra ngũ đại, sinh ra thập nhất căn, 24 cái đều cung phụng cho cái ngã (ta) và ngã sở (thuộc về ta) trừ các cái ấy ra, thì ta được thanh tịnh.

Bọn Thắng luận thì cho đức nghiệp thực có tính cùng khác hòa hợp, sáu căn kia cũng là phần ta phải chịu chưa đủ giải thoát lấy ra thụ dụng, xấu căn được giải thoát, ly hẳn sáu căn trước thế là niết bàn. Nay ta phá cái nghĩa của bọn số luận, trong 25 đế, một thứ « ngã » là biệt tính, còn 24 thứ thì cùng luân chuyển cùng làm một thể, mà một thứ tự tính, thì lấy ba phép làm thể, nghĩa là ba phép tát đóa; thích sà, đáp ma luân chuyển hợp thành 23 đế các thứ « đại » 23 đế nhất nhất đều lấy ba phép làm thể. Nếu cho các thứ « đại » kia nhất nhất đều niu lấy ba phép mà thành, như rừng như bể, tức là giả cả, thì còn nói là hết thấy là thực cả thế nào được.

Nếu bảo các thứ « đại » kia đều do ba phép ấy thành thì một cái tức là hết thấy các cái. Nếu một cái tức là hết thấy các cái, thì nhất nhất đều có sự tác dụng hết.

Nay đã không cho là thể, làm sao lại chấp ba pháp ấy là thể tính hết thấy.

Nếu cho một cái là hết thấy các cái thì căn mắt căn miệng tức là lỗi đại tiểu tiện à ? nếu cho nhất nhất đều có sự tác dụng hết thấy thì các căn miệng, tai cũng người thấy mùi trông thấy sắc à ? Trái lại thì sao lại chấp ba

phép là thể tính hết thầy được, đã là người có trí-luệ thì có ai lại quyết định cái nghĩa như thế, và lại tự tính đã là thường, thì phải như cái mình ta, sao lại hay truyền biến làm ra các pháp các thứ « đại » Lại như cái « ngã » đã nhận kia, tính nó là thường thì phải như tự tính, thì không phải là ta, nếu như tự tính, thì cái mình không phải là ta, không thể dùng được 24 để, thế thì ta không phải là năng thụ, 24 để không phải là sở thụ.

Năng sở đều không thì cái nghĩa « để » không kiến-lập được » Pháp sư bàn đi bác lại luôn mấy lượt, chàng ngoại đạo ngồi nín thin thít không trả lời được câu nào mới tạ rằng : Bây giờ tôi thua, tôi xin y ước trước. Pháp sư nói :

Chúng ta là con Phật, không có hại ai nay ta cho người làm đũa ở, phải vâng lời ta giấy bảo.

Chàng ngoại đạo vui vẻ kính theo, cùng theo Pháp-sư về phòng riêng phục dịch, ai nghe thấy thế cũng đều khen ngợi mừng rỡ.

Bấy giờ Pháp-sư dự bị sang nước ô-dồ, mới cho tìm được quyền luận phá đại thừa nghĩa, pháp sư xem xét còn có vài chỗ ngờ, mới bảo anh chàng ngoại đạo rằng :

Người đã học qua nghĩa này bao giờ chưa ?

Chàng nói : đã học được năm lượt. Pháp-sư bảo dâng cho nghe .

Chàng nói : Tôi nay làm tôi tớ, lẽ nào dám dâng cho Pháp-sư nghe, Pháp sư nói, đó thuộc về tôn khác, ta chưa từng thấy, người cứ nói không ngại chi.

Chàng nói : Nếu thế xin để đến đêm khuya, e rằng người ngoài biết họ cho là thầy học đũa ở, làm nhơ cả danh dự của Pháp sư. Pháp sư bằng lòng. Đêm hôm ấy bảo chàng vào dâng một lượt, liền hiểu hết ý, rồi tìm các chỗ lầm. đem nghĩa đại thừa ra phá, thành 1600 bài tụng, nhan là phá ác kiến luận, đem trình cụ Giới-hiền và cho cả mọi người xem, ai cũng than thở mà rằng :

« Dem sách này mà vận lại, thì bên địch thế nào mà chẳng thua. Bấy giờ Pháp sư mới bảo chàng ngoại đạo rằng Nhân-giả luận thua, chịu khuất làm tôi, thế đã là đủ rồi nay xin cho nhân-giả tùy ý muốn đi đâu thì đi, chàng ngoại đạo vui vẻ từ đi, sang nước Ca ma la ba xứ đông Ấn độ, nói cho vua Cưu ma la biết tài đức của Pháp-sư Vua nghe mừng nói lắm, liền sai sứ giả lại đón mời;

VI — Từ truyện Ný kiến xem bói đến lúc trở về nước Tàu

Trong khi sứ giả vua Cưu ma la chưa đến, có một chàng khóa thân ný kiến tên là Phật sa la, bởi nhiên vào phòng Pháp sư. Pháp-sư vẫn nghe tiếng chàng xem bói tài lắm, mới mời chàng ngồi và hỏi rằng :

« Tôi là sư bên Chi na, sang đây học đạo, đã lâu năm rồi, nay muốn trở về, chẳng hay có được như ý không. Một đấng về một đấng ở, đấng nào tốt hơn. số mệnh tôi thọ hay yếu, xin nhân giả xem giúp. » Chàng liền lấy một hòn đá trắng trong túi ra, vạch xuống đất mà bói, rồi bảo pháp sư rằng :

Pháp sư ở đây rất tốt, vì cả tăng tục trong năm xứ Ấn độ này ai cũng kính trọng cả.

Trở về cũng được tới nơi, cũng được kính trọng, nhưng không bằng ở đây. Số mạng Pháp sư còn được hơn mười năm nữa, nếu nhờ phúc đức nối thêm, chưa thể biết được.

Pháp sư lại hỏi : Ý tôi muốn về, nhưng kinh tượng nhiều quá, không biết có ai giúp sức cho đem về được không? Chàng nói : Pháp sư chớ lo. vua Giới-nhật và vua Cưu ma la tự khắc cho người đưa giúp về tất được như ý không phải lo gì.

Pháp sư nói : Hai ông vua ấy tôi chưa từng biết mặt, vì có gì mà lại giúp cho mọi việc lớn lao như thế? Chàng nói : Vua Cưu ma la hiện đã cho sứ giả lại mời rồi, chỉ độ hai ba ngày nữa thì đến thôi, khi đã gặp vua Cưu-ma-

la, tự khắc gặp cả vua Giới-nhật. Chàng nói đến đấy thì đứng giậy cạo từ đi rá. Pháp sư liền quyết định về, sửa hành lý, chàng nghiêm kính tượng, các vị đại đức nghe tiếng đều lại khuyên rằng :

Ấn độ là nơi Phật sinh, nay Phật tuy tịch rồi mà di tích còn đó, đi quanh chiêm ngưỡng, đủ thỏa chí rồi, làm sao đã đi đến đây mà lại bỏ về. Vả lại Chi na là nước ngoài biên, khinh người rẻ pháp, cho nên chư Phật không sinh ; chỉ hẹp tội giầy, vì thế thánh hiền không đến, khí hậu rét mướt, đất cát hiềm nghèo, có gì mà đáng quyền luyện ư ?

Pháp-sư nói : Pháp vương lập ra giáo pháp, cốt sự lưu thông, có lẽ nào đã được thắm ân rồi mà nỡ bỏ những người chưa ngộ ? vả lại ở hên nước ấy áo mũ rõ ràng phép tắc nghiêm chỉnh, vua thành tới chung, cha lành còn hiền, quý nhân quý nghĩa, chuộng tuổi chuộng hiền, lại còn có đủ trí tuệ hiểu sâu đến lý sâu sa, hợp với quý thần, thể cùng trời đất, chỗ ra phép tắc, cùng mặt trời mặt trăng tinh-thần cùng sáng, chia ra thời liết, cùng luật lệ thiên nhiên nguyên thủy cùng đúng nhau, cho nên sai khiến được cả loài bay loài chạy, cấm cách được cả quỷ thần bách linh. tiêu tức âm dương, lợi an muôn vật.

Từ khi Phật pháp chân sang đông phương, đều chú trọng cả về đạo Đại thừa, nước định lắng trong, hương giới ngát ngát, phát tâm làm hạnh, nguyện cho thành công thập địa, gắng sức tu hành, kì cho đến được tam thân. Giá được Đại-thánh đáng linh, thần ban pháp-hóa, tai nghe rieu pháp, mắt thấy kim dong, đường trường giống ruồi, chưa chắc ai đã hơn ai, có lẽ nào thấy chỗ Phật không đáng sinh mà liền khinh được ru ?

Các sư nói : Trong kinh nói rằng : Chư thiên cũng tùy theo phúc đức của mình, cùng ăn mà mỗi bên thấy một khác, nay cùng Pháp-sư cùng sinh ở châu Nam thiệm mà Phật sinh ở đây, không sinh bên ấy, đủ biết là nơi biên thùy ác địa

菩提而轉法輪，自得成就，亦復成就一切眾生。爾時
有三夜叉，一名阿羅婆伽，二名毗沙那伽，三名修脂
藍，如是等無量鬼神，化令持戒於九十五種道中，最
尊最上，無與等者，斷除一切三毒根本，無有生老
病死之患，而得成就無上道法，然亦當爲無常所轉，
却後三月，當般涅槃，復告大眾，汝等觀此無常，終不
捨人，如來得一切種智，色身相好，具足成就，而不能
免過，去未來現在諸佛，亦歸無常，是故汝等當深觀

察無常之法若能如是無復恩愛係戀之心亦無貪
欲瞋恚愚癡之想永斷生老病死之苦得離一切不
善之法增益無量清淨之行深達諸法十二因緣起
以是因緣常值諸佛所以者何若人得達十二因緣
卽是見法若見法者卽名見佛欲見佛者當持淨戒
威儀無缺爾時世尊而說偈言：

過去諸王生長深宮雄猛端正莊校嚴飭象馬車乘
多饒財寶如是諸王亦歸無常過去諸仙被鹿皮衣

PHẬT THUYẾT TU-MA-ĐỀ TRƯỞNG-GIẢ KINH

HÁN

tự đặc thành tự, diệc phục thành tự, nhất thiết chúng sinh
Nhĩ thời hữu tam dạ xoa, nhất danh A-la bà-giã, nhị danh ti
sa na-giã ; tam danh Tu tri-lam, như thị đẳng vô lượng quỷ
thần, hóa linh tri giới, ư cửu thập ngũ trùng đạo trung tối tôn
tối thượng, vô giữ đẳng giả, đoạn trừ nhất thiết tam-độc căn
bản, vô hữu sinh lão bệnh tử chi hoạn nhi đắc thành tự vô
thượng đạo pháp, nhiên diệc đương vi vô thường sở truyền,
khước hậu tam nguyệt, đương bát niết-bàn, Phục cáo đại chúng
nhữ đẳng quán thử vô thường, chung bất xả nhân, như-lai đắc
nhất thiết chủng trí, sắc thân tướng hảo, cụ túc thành tự,
nhĩ bất năng miễn .Quá khứ vị lại hiện tại chư Phật, diệc quy
vô thường, thị cố nhữ đẳng. Đương thâm quan sát vô thường
chi pháp, nhược năng như thị, vô phục ân ái hệ luyến chi
tâm, diệc vô tham dục sân khuê ngu si chi tướng, vĩnh đoạn
sinh lão bệnh tử chi khổ, đắc ly nhất thiết bất thiện chi pháp,
tăng ích vô lượng thanh tịnh chi hành, thâm đạt chư pháp thập
nhị nhân duyên khởi, dĩ thị nhân duyên, thường tri chư Phật,
sở dĩ giả hà ? nhược nhân đắc đạt thập nhị nhân duyên, tức
thị kiến pháp, nhược kiến pháp giả, tức danh kiến Phật, dục
kiến Phật giả, đương tri tịnh giới, uy nghi vô khuyết. Nhĩ thời
thế tôn nhi thuyết kệ ngôn

Quá khứ chư vương,

Hùng mãnh đoan chính,

Tượng mã xa thặng,

Như thị chư vương,

Quá khứ chư tiên,

Sinh trưởng thâm cung.

Chang hiệu nghiêm sức.

Đa nhiều tài bảo.

Diệc quy vô thường.

Bị lạc bị y.

VIỆT

Khi đó có ba con quỷ Dạ-xoa, 1 là A-la bà-già, 2 là tỷ ra nà già, 3 là tu chi lam, kẻ có biết bao nhiêu quỷ thần như thế, ta đều hoá được, bảo cho biết giữ giới hạnh, đối với chín mươi nhăm thứ ngoại đạo, là bậc tôn quý nhất không ai sánh tầy, trừ sạch hết thầy cỗi dễ tam độc (tham sân si) không có cái lo sinh già ốm chết, mà hoàn thành đạo pháp vô-thường, nhưng rồi cũng sẽ bị vô-thường nó truyền, sau ba tháng nữa, sẽ vào Niết-bàn (Phật tịch) Phật lại bảo Đại chúng rằng : Các người nên xem cái sự vô-thường đó, nó không có bảo ai, như lai ta đây, đã được cái trí tuệ biết rõ hết thầy, sắc thân tốt đẹp, hoàn thành đầy đủ, mà cũng không tránh khỏi, chừ Phật quá-khứ vị-lai hiện-tại, cũng về chỗ vô thường, cho nên các người nên xem xét cái phép vô thường cho sâu, nếu biết như thế thì không còn có cái lòng quyến luyến ân ái, cũng không có mối tương tham muốn dận dử, ngu si, trừ hẳn được cái khổ sinh già ốm chết, xa lìa hết thầy những phép không lành, tăng thêm được không biết bao nhiêu cái hạnh thanh tịnh, hiểu sâu tới chỗ mười hai mối duyên của mọi phép noi đó khởi lên, vì nhân duyên ấy, thường gặp chừ Phật. Sao thế ? — vì rằng nếu người nào đã hiểu thấu được mười hai nhân duyên, tức-là thấy tỏ pháp, nếu thấy tỏ pháp, tức là thấy Phật. Nếu muốn thấy Phật nên giữ giới cho thanh tịnh, uy nghi không trái phép. Lúc đó đức Thế tôn lại nói một bài kệ rằng.

Các vua xưa kia,	Ở nơi thâm cung.
Oai hùng doan chính,	Chang nghiêm vô cùng.
Xe kiệu voi ngựa,	Lắm bạc nhiều vàng.
Các vua như thế,	Cũng quy vô thường.
Các tiên xưa kia,	Mặc áo da hươu.

Về vấn đề chính đồn tăng già

Những người đã theo đạo Phật, nhất là những người đã xuất gia tu đạo Phật, hẳn không ai còn lạ gì hai tiếng « tam bảo » là hai tiếng khẩu đầu thề khi bước chân vào tới cửa chùa.

Tam bảo là gì ? là Phật, pháp và tăng. Tăng với Phật - Pháp cùng liệt là tam bảo. Phật với pháp trọng thế nào thì tăng cũng trọng như thế, đủ biết cái giá trị tăng thực là cao quý, mà cái chức vụ tăng thực là quan hệ không phải vừa vậy.

Muốn cho xứng đáng cái giá trị và trọn vẹn cái chức vụ làm tăng tất phải là người đạo tâm rất thuần túy, giới hạnh rất tinh nghiêm, tự độ đã viên mãn rồi mà ra công cố sức làm cho kỳ viên mãn được cả cái sự nghiệp độ nhân. Có thể mới đáng gọi là tăng, mới đáng thay mặt Phật, giữ quyền pháp mà cùng với Phật với Pháp cùng lên cái ngôi vô thượng chỉ tôn là ngôi tam bảo được.

Xưa đức Phật hiện thân thuyết pháp tự mình làm tăng, trong mấy chục năm trời đi khắp đó đây tùy duyên khuyến hóa. Ngài hiện thân ra chỉ trong một kiếp đề nêu cái mẫu mực làm tăng, còn muốn cho ngàn muôn ức kiếp về sau bao giờ cũng có những vị kế đáng hoằng giáo. Trong phép nhà Phật, về sự chính đồn tăng già rất là tường tế tinh nghiêm. Từ lúc xuất gia thế phật làm khu ó sa-di, làm tiểu sa di dần dần lên bậc cao-túc đệ tử. Thụ cụ túc giới rồi lên tới trung-tọa, thượng-tọa trải bao nhiêu công trình tu luyện theo thầy chịu phép mới thành một vị tăng chân chính trụ trì. Khi Phật còn sinh thời có biết bao lần đại hội, lại mỗi năm mỗi kỳ kết hạ, ấy tức là những cách tập hợp tăng đồ, tổ chức tăng-hội vậy. Phơ luật tạng còn truyền lại đến nay những qui luật trong tăng hội nghiêm mật tinh tế là nhường nào ! chính là thước ngọc khuôn vàng cho tăng đồ thiên vạn cổ vậy.

Sau khi Phật tịch, các tổ truyền đạo sang trung quốc rồi đến nước ta, có lập ra từng sơn-môn để kiểm thúc tăng chúng trong sơn môn mình cùng tuân thủ qui luật thiền gia, tạo nên cái phẩm giá làm tăng, để gánh lấy cái chức vụ làm tăng, cũng là theo cái di-ý tập hợp, tăng-đồ, tổ-chức tăng hội của Phật tổ ngày xưa, làm cho tăng bảo thường trụ thế gian mà duy trì pháp bảo, tuyên dương Phật bảo đấy.

Than ôi ! nói thì không dễ, mà không nói lại không đành. Cái ngọn lửa Phật pháp pháp phù le lói, cho tới ngày nay, chỉ còn cái sắc sơn-môn mà cái hồn sơn môn như mất hẳn ; chỉ còn cái tiếng tăng mà cái thực tăng hầu như không có, mỗi một sơn-môn chia lìa xẻ rẽ ra thành năm bảy chục sơn môn khác ; mà trong một sơn-môn ngoài sự lễ bái quan hệ, đi lại thù ừng với nhau, cũng chẳng có kỷ luật chung gì phải giữ gìn, chẳng có lãnh-lự chung nào phải tuân phục. cứ ai ở chùa nào biết chùa ấy, thân ai nấy lo, việc ai nấy làm ; qui luật thiền gia, ai tuân thủ hay là không tuân thủ, chẳng có ai đốc thúc ai kiểm xét, ai cử chính được ai ; các vị đại đức, các ngài trưởng lão cũng chẳng có pháp lực gì đối với sư bác, sư ông ; người có học lực, có giới hạnh với người không giới hạnh cũng chẳng hơn kém gì nhau miễn ai khéo luồn lỏi xu phụ thì được địa vị tốt, bổng lộc nhiều, mà ai vụng luồn cạnh chiều lòn thì phải địa vị xấu, bổng lộc kém.- chữ thánh chúng vui xấu xuống đất ; nghĩa lực hòa lại biến ra tro , thậm đến nỗi dành chùa dành chỗ, ghen ghét cùng nhau, khích bác cùng nhau, oán phản cùng nhau. Người lớn không thương yêu người nhỏ, người dưới không kính nể người trên, người có không giúp đỡ người không ; người khôn không bảo ban người dại ; người đắc thời đắc vị không bênh vực người có cùng hèn yếu ; người lão thành tôn trọng không trông nom người nhỏ bé thơ ngây ; đối đãi với nhau cũng bị thử nhân ngã quá kẻ Việt người Tàn ; gặp

sự khổn ách hoạn nạn của nhau cũng cái lối hàng xóm chấy nhà bằng chân như vại. Những xú-kịch, thảm-kịch đáng thương, đáng bỉ xấu ra thường thường, không sao kể xiết !

Đây chỉ xin kể một vài chuyện vừa mới xảy ra còn nóng hổi hổi ở cửa miệng mọi người, tưởng ai đã mang cái áo nâu già cũng phải động phách kinh tâm, không còn có thể bưng mắt làm ngơ, bịt tai giả điếc được nữa :

Một chuyện xảy ra vừa mới vào khoảng mùa hạ năm nay một vị sư có học thức, có giới hạnh từ-tử-tri ở một ngôi chùa trong huyện Nam-sách, chỉ vì trong chùa có lăm lăm khi to to, cụ lý trong làng muốn thi cái thủ đoạn đục khoét đến cả lăm lăm nhà chùa, không được như ý sở cầu mà sinh ngay ra cái việc Sư ông quyến dụ cụ lý bà, suýt nữa tạo nên cái oan ngục Thị-mẫu thứ hai không sao gỡ khỏi.

Lại một chuyện nữa xảy ra vừa mới vào khoảng mùa thu, ở một ngôi chùa trong huyện Kim sơn, thành linh mà cái trống chuông treo tại trong chùa lại phát hiện ra 6 viên cắt tút, một mớ truyền đơn. Khi quan quân về khám soát ; sau vỡ chuyện ra cũng chỉ vì sự thù vơ oán trả của một tay kỳ mục đối với nhà sư mà thành có việc phao vu ấy.

Những việc như thế, nếu không có hội Phật-giáo can thiệp thì đèn công lý chưa chắc đã soi thấu lối nơi oan khuất mà hai vị sư ông ấy chưa chắc đã khỏi vào « tù khổ hạnh » trong khám tối nhà pha.

Nguy chưa ? khổ chưa ? thân lươn bao quản lăm đầu, cái kiếp lăm sãi hiện nay ở các nơi thôn xã trong nước Việt nam đây, tình mệnh tài sản cũng còn khó bề bảo-thủ thay, mà nói chi đến chuyện hoằng đạo giáo nhân, cứu dân độ thế nữa !

Xét cho cùng, có phải chỉ lỗi ở cái bọn hung hành vô đạo đó thôi ư ? một nước như nước này, sùng phụng

Phật giáo đã trên một ngàn năm, đầu cũng thờ Phật đầu cũng có chùa ; tổ một pho tượng, đúc một quả chuông, mở một đàn chay, xây một ngọn tháp vẫn còn có người công đức cúng dàng, chẳng lẽ đối với những vị xuất gia hành đạo thay mà Phật, giữ quyền pháp mà chỉ mở khai 1 gô cho họ được giải thoát ra ngoài bể khổ sóng mê, họ lại nhữn tâm hắt hủi, khi-lãng hết thầy như thế được.

Một cái cơ chính là cỡi ở chư tăng bây giờ không có thống hệ mình bạch, không có trật tự hẳn hoi, không có kỷ-luật nghiêm trang, không có kết hợp chặt chẽ. Như trên đã kể, tăng chỉ có tên mà không còn có thực, sơn-môn chỉ có xác không có hồn. Còn có lạ gì cái công lệ tự nhiên : phân ra thì yếu thì nhỏ, mà hợp lại thì to. Đũa để dờ từng cái một người ta bẻ gãy gãy gãy như chơi, nhưng giá cột lại thành một bó to thì O-hoạch Mạnh bốn chưa chắc hẳn đã làm gì cho chuyền. Cái nguyên nhân nguy khổ của tăng giới xưa ta ngày nay chính cũng là cái tình hình bị bẻ của từng cái đũa vậy.

Chắc chư tăng bây giờ ai cũng đã hiểu cái thể nguy rõ cái nỗi khổ ấy cả, ai lại chẳng muốn khử nguy mà tự an, khử khổ mà tự lạc, vậy chỉ có một cách giải nguy thoát khổ là phải mau mau cột từng chiếc đũa lại thành một bó to, tức là chỉnh đốn lại tăng già, cùng theo một mệnh lệnh, cùng giữ một kỷ luật cùng góp công góp sức thành một cái lực lượng kết hợp chung thật lớn thật bền, đó chính là cái bảo phiệt tế nguy, cái kim luân cứu khổ cho tăng giới xưa ta ngày nay vậy.

Trước hết, các sơn môn phải tự sắp đặt thống hệ trật tự trong sơn môn mình lại. Theo cái nề nếp cũ trong các sơn môn, mỗi vị sư tổ gây dựng tác thành ra được bao nhiêu vị thượng tọa chia đi trụ trì mỗi vị một chùa, những chùa ấy thuộc về chốn tổ, tức là chung một sơn môn : các vị thượng tọa đó sau lại gây dựng

tác thành ra được bao nhiêu vị nữa, chia đi giữ bao nhiêu chùa khác nữa, cũng vẫn điều thuộc về một chốn lữ, cũng điều chung một Sơn môn. Nay mỗi một Sơn-môn phải do một vị đại đức thâm-niên cao-chức nhất trong Sơn-môn ấy đứng ra làm trưởng, cử tập hết thầy lẫn chúng trong Sơn môn, mỗi vị Sư hoặc vãi trong Sơn-môn cấp cho cái điệp vi bằng chấp chiếu. Phàm tăng chúng trong Sơn-môn kẻ trẻ được học, kẻ già được nuôi, kẻ ốm được chạy chữa chu chi, kẻ chết được chôn cất hẳn hoi, hoạn nạn thì bênh vực cùng nhau, khổn nạn thì tư trợ cùng nhau, muốn được hưởng cái lợi quyền chính đáng ấy thì phải làm cái nghĩa vụ tương đương; ai nấy đều phải phục tùng cái mệnh lệnh trưởng-lão, tuân thủ cái qui luật Sơn-môn, phải giữ giới hạnh cho thật tinh nghiêm, phải hành việc đạo cho thật sốt sắng, phải bỏ cái thói tự tư tự lợi, phải tuyệt cái lòng chấp ngã chấp nhân, mỗi một Sơn-môn lập một trường tăng học, dạy từ tiểu học lên cho đến đại-học đề đào luyện những tăng chúng thanh niên, và mở một chốn tụng-lâm, sân cỏm, sân áo, để cấp đường những kẻ già nua bệnh hoạn, cái phi khoản hằng năm về những việc ấy do tất cả tăng chúng trong Sơn-môn cùng đảm thọ, kẻ nhiều người ít, kẻ xuất của người xuất công, như thế thì cái đoàn thể nhỏ từng một Sơn-môn đã là vững vàng bền chắc.

Đồng thời, tất cả những vị làm trưởng từng Sơn-môn ấy cũng liên hợp nhau lại thành một ban kỳ tức trên hội Trung-ương, toàn ban công cử lấy 5 vị hầu tuyền trưởng ban, rồi khất linh Phật-điện rút thăm trong 5 vị ấy cử một vị lên làm trưởng ban kỳ-tức, tức là vị Thiền-gia phạp chủ toàn hạt Bắc-kỳ. Ban ấy hiệp với hội-đồng quản trị hội Phật-giáo Bắc-kỳ cùng trông coi công việc hội, mỗi khi có công việc gì quan trọng thì vị trưởng ban đặt họp toàn ban quyết nghị thi hành, những qui luật trong các Sơn-môn và những cách giám đốc, kiểm-xét, khuyến khích, trừng

phạt về sự thi hành qui luật, những chương trình học tập và những cách đôn-đốc kiểm-sét, sát hạch, khảo thí về các trường tăng học các Sơn-môn, những phương-pháp quản-lý các người coi việc về các chốn tùng-lâm cùng mỗi năm mỗi có một bản dự toán thu chi về các việc đó đều do về trưởng ban thương nghị thỏa đáng với toàn ban quyết định. Phàm những tăng chúng trong các Sơn-môn ai mà trái phạm qui luật Sơn môn không phục tùng mệnh lệnh vị trưởng Sơn-môn thì do vị trưởng Sơn-môn ấy trình lên ban kỳ-lục tuyên bố trục ra khỏi Sơn-môn, thông tư đi khắp cả các Sơn-môn và các chi Đại-lý hội không đâu còn được nhận người ấy vào Sơn môn khác hay trụ-trì ở một chùa nào, ai mà học lực khá, giới hạnh tốt, hoặc khảo thí từng cách ở các trường tăng-học, hoặc do các vị trưởng Sơn-môn, các vị kiểm đốc trên hội Trung-ương đề cử thì sẽ được tuyển lựa, thăng thụ phẩm cấp tùy theo công lực của mình, như thế thì ai cũng phải cố giữ giới hạnh cho càng ngày càng được tinh nghiêm, làm việc đạo cho càng ngày càng được mỹ mãn, chức vụ của chư tăng mới không đến nỗi khiếm khuyết, mà phẩm giá của chư tăng mới không đến nỗi truy-lạc, các đoàn thể lớn toàn cả tăng giới xứ này thật là có cái lực lượng hùng hậu cái địa vị cao-quý hơn xưa nhiều vậy.

Than ôi ! cái lò nhà tăng giới đã gần hai ngàn năm nay dựng lên nguy-nga đồ sộ ở cái đất sông Lô núi Tản, khu-vực của Phật giáo này, đến bây giờ đã tường xiêu nóc giột, cột mục kèo long, chữa sửa cái lò nhà ấy lại là trách nhiệm của chư tăng. Tôi chỉ vì cái lòng thành thực sùng Phật trọng tăng không nỡ ngồi mà nhìn thấy tăng bảo đến lúc liêu-trầm, xin phở rãi mấy lời gọi là phác họa cái kiểu sửa chữa sơ lược ra đây để chất chính cùng các ngài còn có chút tâm huyết trong tăng giới.

Dương-bá-Trạc

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

14 Hạng thuế thân Bắc kỳ năm 1939

Thuế thân đánh theo tài sản và lương bổng ở Bắc-kỳ năm 1939 lại tăng hơn năm 1938 về nhiều hạng. Chính phủ Bắc kỳ đã ra nghị định thi hành như sau này : 1.)

Hạng 250p. về những người có 300 mẫu ruộng hay đất mà lợi bằng 300 mẫu nhĩ đăng điền, Người đóng 400p thuế thổ trạch. Người đóng 400p thuế môn bài, Người có số lương hay hưu bổng 6000p. một năm. — 2.) **Hạng 200p** về những người có từ 225.01 đến 300 mẫu ruộng hay đất, đóng thuế thổ trạch từ 320.01 đến 400p đóng thuế môn bài từ 350.01 đến 320p. có lương bổng hay hưu bổng một năm từ 4600p.01 đến 5400p. 3.) **Hạng 150p.** về những người có 165.01 đến 225 mẫu, đóng thuế thổ trạch từ 250p.01 đến 280p. thuế môn bài từ 250p.01 đến 320p. có lương bổng hay hưu bổng từ 4600p.01 đến 5400p. — 4.) **Hạng 125p.** về những người có từ 125.01 đến 165 mẫu, thuế thổ-trạch 200p.01 đến 250p, thuế môn bài từ 200p.01 đến 225p. có lương bổng hay hưu bổng từ 4000p.01 đến 4600p. một năm 5.) **Hạng 105p.** về những người có từ 90.01 đến 125 mẫu, thuế thổ trạch từ 150.01 đến 200p thuế môn bài từ 150p.01 đến 200. có lương hay hưu bổng từ 3400p.01 đến 4000p. một năm. — 6.) **Hạng 80p.** về những người có 70.01 đến 95 mẫu, thuế thổ trạch từ 100p.01 đến 150p. thuế môn bài từ 100p.01 đến 150p. lương bổng hay hưu bổng 2800p.01 đến 3400p. — 7.) **Hạng 55p.** về những người có từ 50.01 đến 70 mẫu, thuế thổ-trạch 75p.0 đến 100p. thuế môn-bài 75p.10 đến 100p, lương hay hưu bổng 2200p 01 đến 2800p. — 8.) **Hạng 40p.** từ 30.01 đến 50 mẫu; thuế thổ trạch 55p.01 đến 75p. thuế môn bài 55p.01 đến 75p. lương, hưu bổng từ 1700p.01 đến 2200p. — 9.) **Hạng 25p.** có 15.01 đến 30 mẫu, thuế thổ trạch 30p.01 đến 55p. thuế môn bài 30p.01 đến 55p. lương, hưu bổng 1200p 01 đến 1700p. — 10.) **Hạng 15p.** có 10.01 đến 15 mẫu, thuế thổ trạch 20p.01 đến 30p.

thuế môn bài 20p.01 đến 30p, lương, hưu bổng 800p, đến 1200p; - 11) **Hạng 7p.** có 6 đến 10 mẫu, thuế thổ-trạch hay môn bài từ 12p đến 20p lương hưu bổng 500p.01 đến 600p - 12) **Hạng 5p.** có 4 đến 6, mẫu thuế thổ trạch hay môn bài từ 10p. đến 12p. lương, hưu bổng từ 400p.01 đến 600. - 13) **Hạng 2p50.** có 4 mẫu, thuế thổ trạch hay môn bài 10p, lương hưu bổng 200 đến 400p. 14) **Hạng 1p.** các người vô-sản, thợ công nhật, lương, hưu bổng dưới 120.p một năm, Còn những người tăng lặt vô-sản, ngoài 60 tuổi mà vô-sản, lính, phu trạm tại ngũ thì miễn.

VIỆC THẾ-GIỚI

Việc nước Pháp

Phe anh, Pháp nay đã có. Mỹ quyết bỏ thái-độ trung lập mà cùng Anh Pháp lo việc hòa bình thế giới thì đối với phe Đức, ý và Nhật sẽ có phần ưu thắng. nước Pháp quyết không nhượng bộ Ý một tí gì về sự đòi đất đai Thủ tướng Daladier đã đi kinh lý đảo Corse và đất Tunisie để thăm chiến lũy ở hai xứ ấy, dân hai xứ hoan nghênh nhiệt liệt lại phải thêm quân đội đi giữ Djibouti 6 Janvier 1919 Thủ tướng đã về pháp tuyên-bố « **Tôi quyết giữ yên nước Pháp** ». còn bên Ý thì căm tức về việc Thủ tướng Daladier đi thăm các nơi đó. Báo Ý cho cuộc ông Daladier đi thăm Corse là « **một mũi dao găm lỗ-lăng** ». Tờ Stampa của Ý viết : « **Món nợ của Pháp đối với Ý càng ngày càng nhiều. Pháp sẽ phải trả cho đến đồng xu nhỏ** ». Dù hăm-dọa sao, nước Pháp đều không để ý.

Việc Hung Tiệp

Tin Budapest 6 Janvier nói quân tiệp sáng hôm ấy dùng chiến xa, đại bác đánh phá lính Munkacs là một tỉnh biên thủy mà Tiệp mới phải cắt cho Hung. Rồi hai bên bắn nhau. Tiệp có 5 người chết Hung có 9 người chết. Chính phủ Hung đã phản đối Tiệp và báo cáo với Đức, Ý. Nhưng sau có tin Hai bên đã bằng lòng điều đình về việc biên giới cho phân minh.

KINH MỚI IN XONG

KINH TỪ THẬP NHỊ CHƯƠNG

GIÁ 0\$05

Kinh này là một bản kinh khi Phật mới thành Phật nói trước nhất, rất hợp với người mới tu mới học, lại rất hợp cả tại gia và xuất gia.

Đến mồng tám tháng chạp này sẽ tụng một hội kinh này để kỷ niệm ngày Đức Phật Thích-ca thành Phật.

Việc làm chùa Hội-quán Trung-wang

Theo biên bản hội đồng bên tăng giới ngày 19 Octobre và biên bản hội đồng Quản-trị ngày 24 Octobre 1937 thì các hội viên trong hội đều cùng góp mỗi vị một đồng 1\$00 để lấy tiền khởi công làm chùa Hội quán.

Vậy xin đăng phương danh các vị hội viên chi hội Hoàng-trạch Hưng-yên đã cùng góp lên báo chương để các thiện-tín thập-phương chứng giám.

Các ông : Vũ đức Giem, Nguyễn đình Dương, Vũ ngọc Chân, Vũ văn Phong, Vũ văn Đắc.

Các bà : Vũ thị Đại, Vũ thị To, Vũ thị Khuyển, Nguyễn thị Cảnh, Nguyễn thị Thẩm.

Hội viên chi hội Đa-hòa

Các ông : Đỗ thành Luân, Giang văn Thiên, Đỗ văn Soạn, Nguyễn đức Hanh, Nguyễn xuân Lê, Nguyễn chu Sử, Nguyễn chu Tuệ, Nguyễn chu Ky, Nguyễn chu Thư, Chu văn Phú, Giang văn Trạch, Chu văn Đề, Nguyễn đại Thánh, Nguyễn đại Nghiễn, Nguyễn đình Lịch, Đỗ quốc Thịnh, Đỗ thành Thiệp, Phạm văn Chính, Nguyễn hữu ích.

Các bà : Đỗ thị Viên, Giang thị Tuân, Giang thị Côi, Nguyễn thị Dân, Cao thị Cước, Đỗ thị Quốc, Trần thị Sóng, Nguyễn thị Thảo, Đỗ thị Đượm, Đỗ thị Côi, Đỗ thị Nhụ, Đỗ thị Tuân, Đỗ thị Bích, Đỗ thị Nhiễu, Đỗ thị Lan, Đỗ thị Mềm, Phạm thị Phiêu, Đỗ văn Thị, Phạm thị Nguyệt.

HỢP THO

(Các bị đã trả tiền báo Đuốc-Tuế bằng Mandat)

M. M. Nguyễn văn Cần Pau thơ (36-99)	1\$50
Nguyễn huy Bút Yên báy (67-99)	1.50
Bảy hiền Bến tre (1-99)	3.50
Nguyễn văn Thiện Vĩnh long (76-99)	1.50
Nguyễn lữ Khánh Vĩnh long (76-99)	1.50
Đào văn Đồn Vĩnh (53-99)	2.50
Nguyễn văn Nhân Bắc ninh (76-99)	1.50
Vũ ngọc Lâm Kiến an (100-123)	1.50
Cao huy Định Nam định (92-99)	0.50
Sư cụ Quất lâm Nam định (76-99)	1.50
M. M. Nguyễn đăng Trà Ninh bình (76-99)	1.50
Trương thiện Bồn Bến tre (64-83)	1.00
Nguyễn văn Châu Long-xuyên (59-111)	3.00
Phạm văn Nguru Sadeo (76-123)	3.00
Trần hữu Khoái Sadeo (76-99)	1.50
Nguyễn văn Giỏi Saigon (76-99)	1.50
Phan văn Tiên Saigon (76-99)	1.50
Sinh-Tài Vientiane (76-99)	1.50
Nguyễn văn Thủ Vĩnh long (72-83)	1.00
Trần thiện Hoa. Huế (76-99)	1.50
Trần Lũy. Gò công (76-123)	3.00
Trần Quang Sóc trăng (53-84)	1.50
Ông Nguyễn văn Phước Namđinh. — Mandat 2\$00. cùng vào tiền Phát học Bảo trợ đã tiếp được.	
Ông Anh, Húc, Kim văn lý. — Mandat 3\$50 của ba ông đã tiếp được.	

ĐUỐC-TUẾ

BÁO MỚI

Bản Báo được tin đến ngày 15 Fevrier 1939 này, thì Thần-Bí Tap-chí sẽ ra đời, chuyên khảo cứu về tướng số, thần học và phù-pháp.

Do ông Bùi thiên-Lượng làm chủ-nhiệm, báo-quán ở số 224 Phố Baul bert — Saigon.

Vậy giới thiệu cùng đọc-giã Đuốc-Tuế và chúc bạn đồng nghiệp được trường cửu.

Imp. ĐUỐC-TUẾ

Quản lý CUNG-ĐÌNH-BÌNH